

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

GV: Nguyễn Thị Lan Anh

1.1. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1.2. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Vị trí, chức năng của Ngân hàng Nhà nước VN

1.1.2. Tổ chức của hệ thống ngân hàng Nhà nước VN

1.1.3. Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước VN

* VỊ TRÍ

- Là cơ quan của chính phủ và là NHTW của nước CHXHCNVN
- Thực hiện chức năng QLNN về tiền tệ và hoạt động NH, là NH phát hành tiền, NH của các TCTD và NH làm dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ
- Ổn định giá trị đồng tiền, góp phần đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Ngân hàng Nhà nước là một pháp nhân, có vốn pháp định thuộc sở hữu nhà nước, có trụ sở chính tại Thủ đô Hà Nội.

- CHỨC NĂNG:
 - Chức năng quản lý Nhà nước
 - Chức năng ngân hàng trung Ương

• Chức năng quản lý Nhà nước

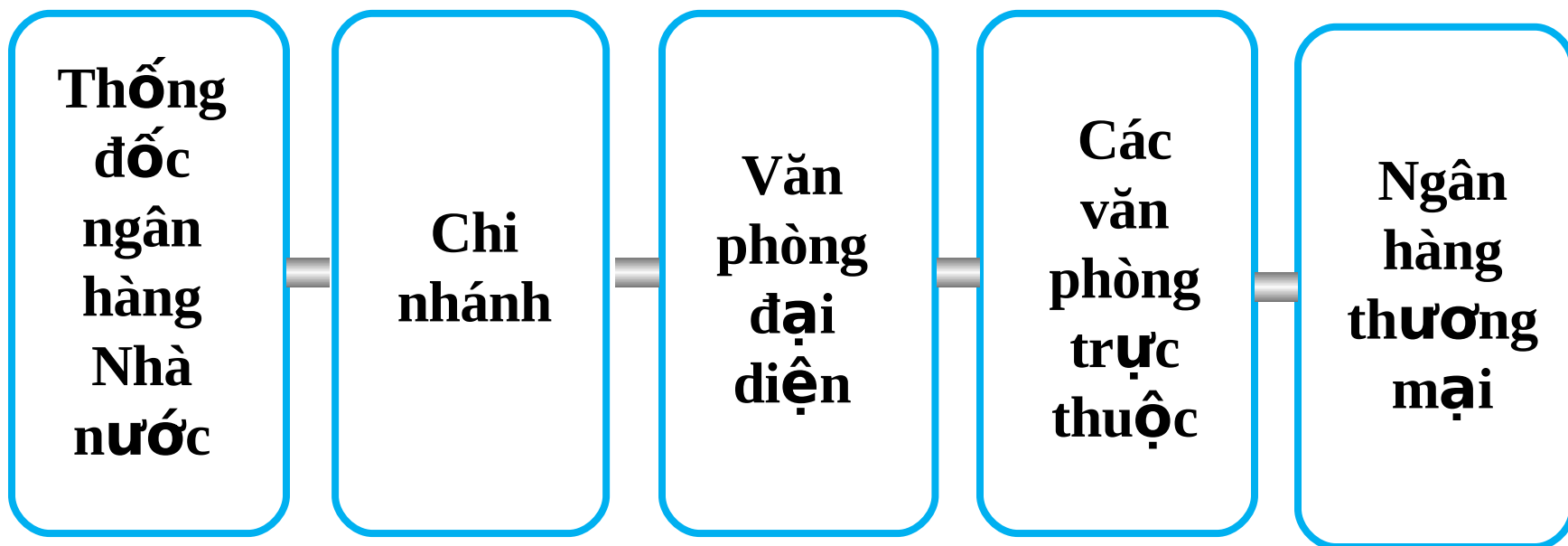
- Tham gia xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển KT-XH của NN.
- Xây dựng dự án chính sách tiền tệ quốc gia
- Xây dựng các dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác về tiền tệ và hoạt động ngân hàng
- Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của các tổ chức tín dụng
- Kiểm tra và xử lý các hoạt động về tiền tệ, ngân hàng
- Quản lý việc vay, trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp nước ngoài
- Chủ trì lập và theo dõi kết quả thực hiện cán cân thanh toán quốc tế
- Ký kết, tham gia điều ước quốc tế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

- **Chức năng Ngân hàng TW**

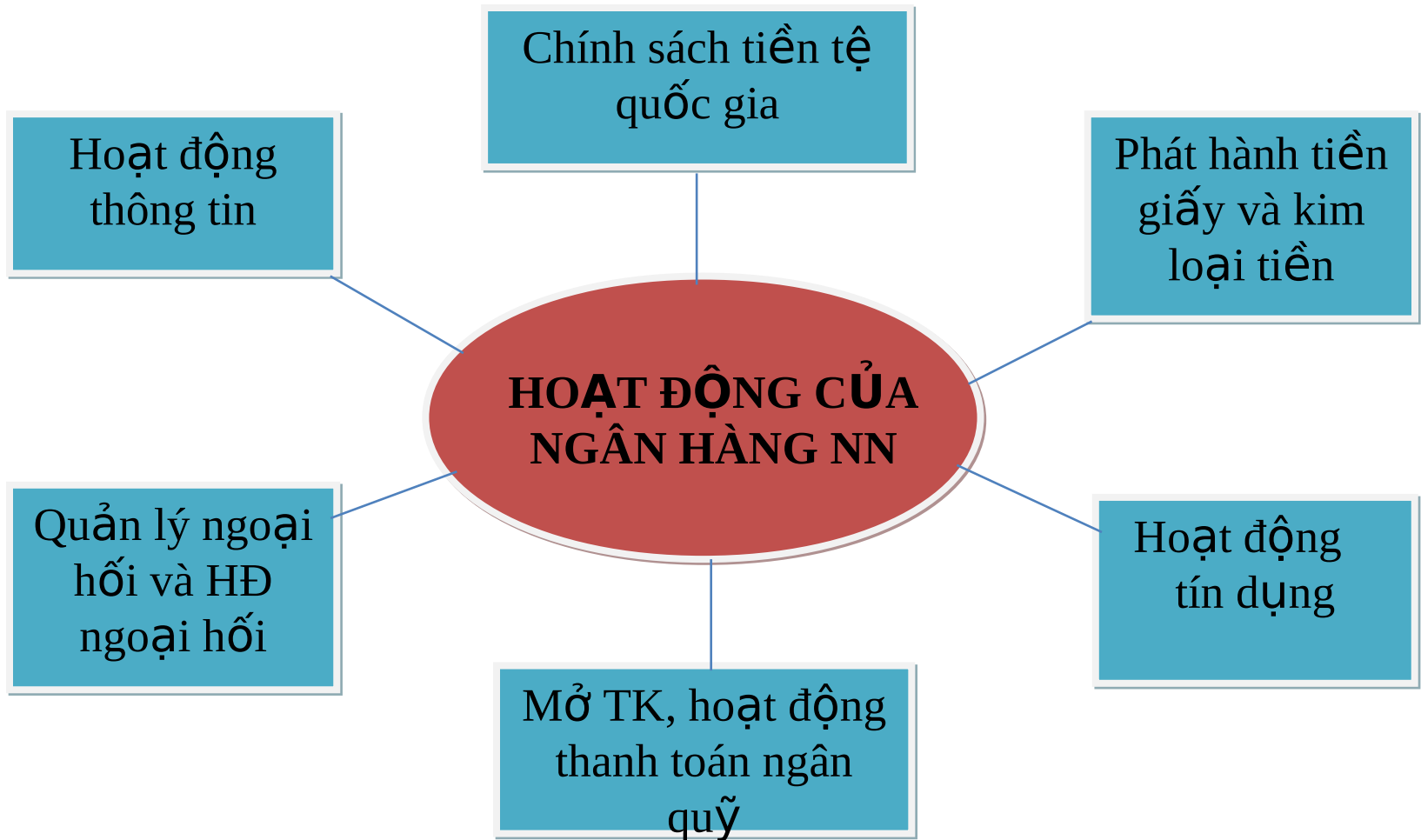
- Tổ chức in, đúc, bảo quản, vận chuyển tiền, thực hiện nghiệp vụ phát hành, thu hồi thay thế và tiêu hủy tiền
- Thực hiện tái cấp vốn nhằm cung ứng tín dụng ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho nền kinh tế
- Điều hành thị trường tiền tệ quốc tế, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở.
- Kiểm soát Dự trữ quốc tế, quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước
- Tổ chức hệ thống thanh toán qua ngân hàng, làm dịch vụ thanh toán, quản lý việc cung ứng các phương tiện thanh toán.
- Làm đại lý và thực hiện các dịch vụ ngân hàng cho Kho bạc Nhà nước.
- Tổ chức hệ thống thông tin và làm dịch vụ thông tin ngân hàng.

1.1.2. TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành của Ngân hàng Nhà nước do Chính phủ quy định. NHNN được tổ chức thành hệ thống tập trung, thống nhất bao gồm:



1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC



1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1.3.1. Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia

Khái niệm: Là một bộ phận của chính sách kinh tế - tài chính của Nhà nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiềm chế lạm phát, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống của nhân dân

Trách nhiệm của Nhà nước:

- Chủ trì xây dựng dự án chính sách tiền tệ quốc gia
- Điều hành các công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia
- Báo cáo CP, QH kết quả thực hiện CS tiền tệ quốc gia

Công cụ thực hiện: Ngân hàng Nhà nước sử dụng các công cụ tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở các công cụ khác do Thống đốc quyết định.

1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1.3.2. Phát hành tiền giấy và tiền kim loại

Đơn vị tiền tệ

Phát hành tiền

In, đúc, bảo quản, vận chuyển, phát hành, tiêu hủy tiền

Xử lý tiền rách nát, hư hỏng

Thu hồi, thay thế tiền

Tiền mẫu và tiền lưu niệm

Ban hành và kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế nghiệp vụ phát hành tiền

1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1.3.3. Hoạt động tín dụng

Cho vay

Bảo lãnh

Tạm ứng cho ngân sách Nhà nước

Góp vốn, mua cổ phần

1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1.3.4. Mở TK, hoạt động thanh toán ngân quỹ

Mở tài khoản: NHNN được mở tài khoản ở ngân hàng nước ngoài, tổ chức tiền tệ, ngân hàng quốc tế

Hoạt động thanh toán ngân quỹ: NHNN tổ chức hệ thống thanh toán liên ngân hàng và cung cấp các dịch vụ thanh toán

Đại lý kho bạc nhà nước: NHNN làm đại lý cho Kho bạc nhà nước trong việc tổ chức đấu thầu, phát hành và thanh toán tín phiếu, trái phiếu kho bạc

1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1.3.5. Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối

Nhiệm vụ và quyền hạn của NHNN về quản lý ngoại hối

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước

Hoạt động ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước

1.1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1.3.6. Hoạt động thông tin

Thu nhận và cung cấp thông tin

Công bố thông tin

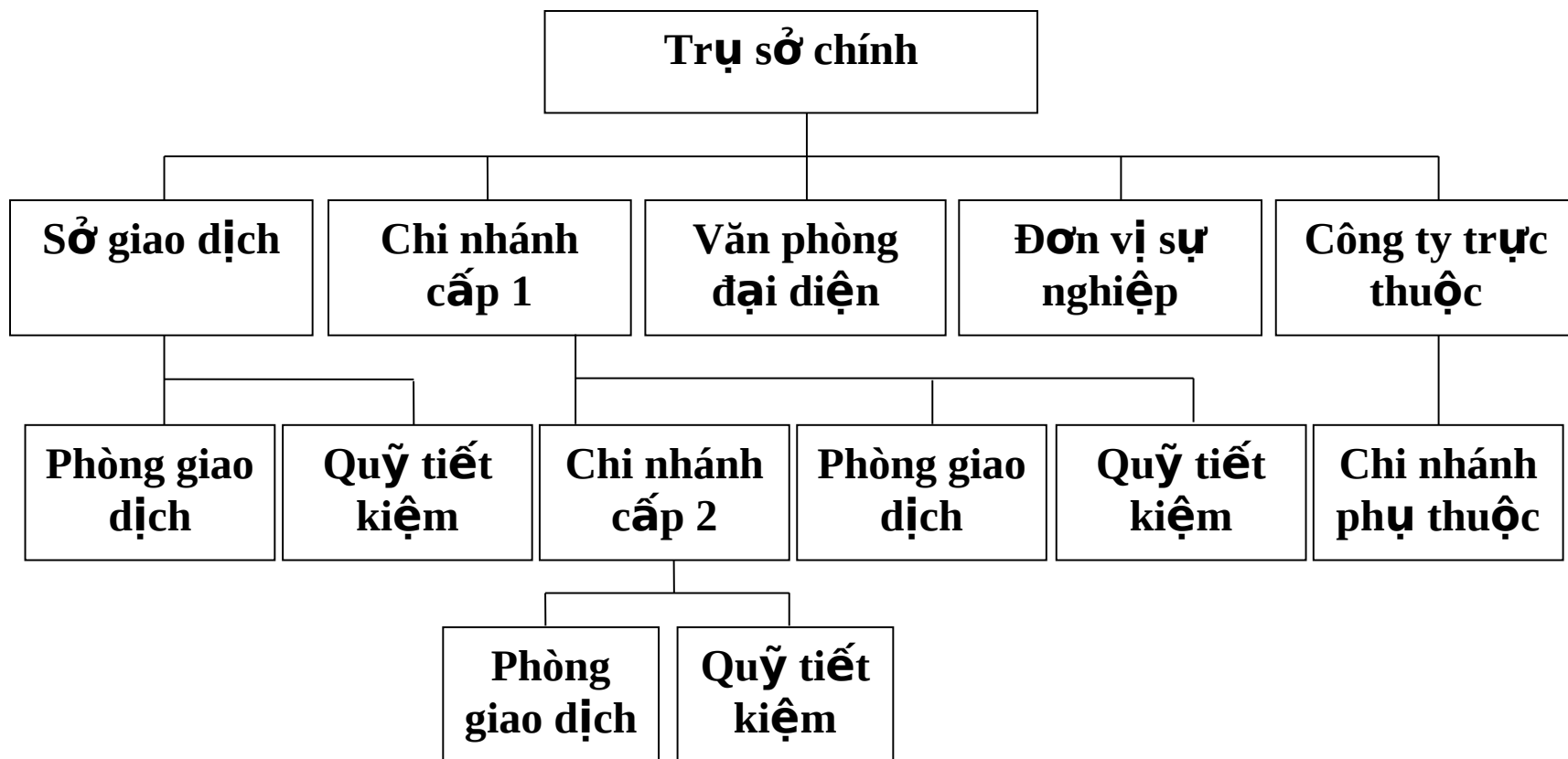
Bảo vệ bí mật thông tin

● 1.2.1. Hệ thống tổ chức của Ngân hàng thương mại

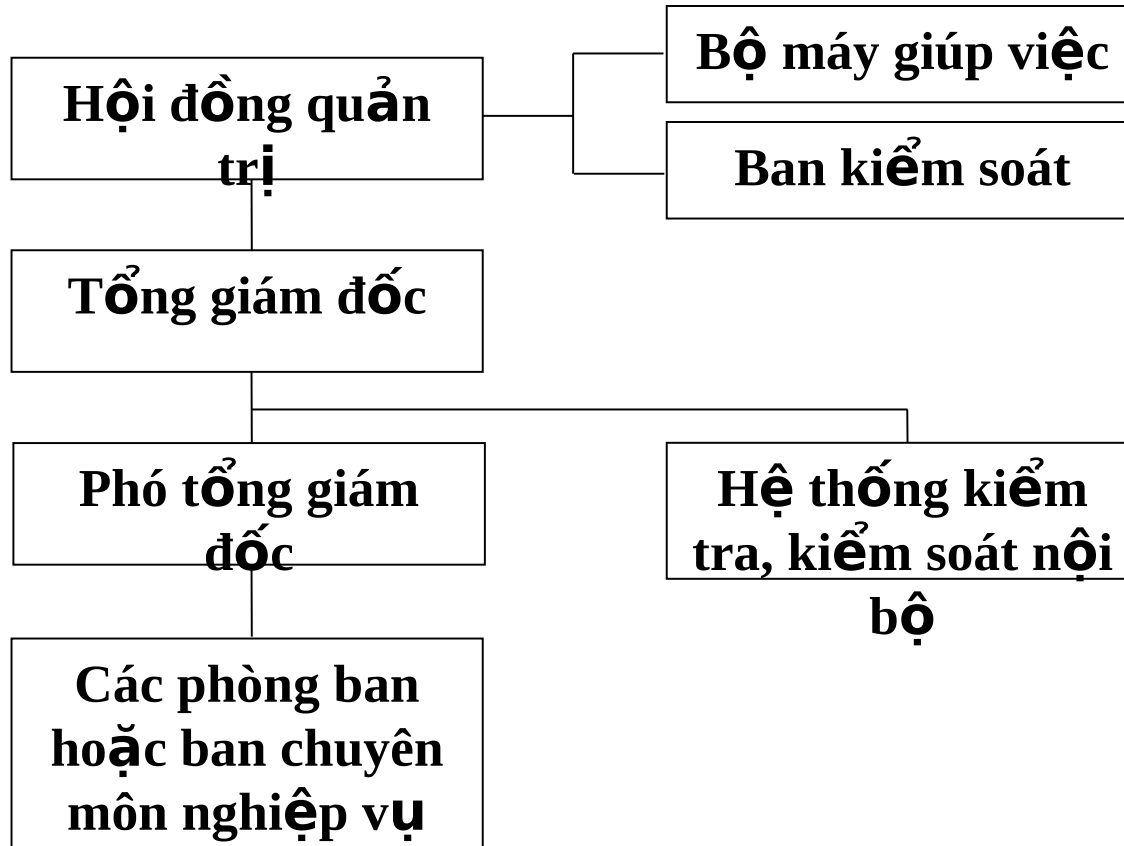
● 1.2.2. Nội dung và phạm vi hoạt động của NHTM

Các NHTM được thành lập theo QĐ của Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng và Thống đốc NHNN. Các NHTMNN tổ chức theo mô hình Tổng công ty nhà nước

- Ngân hàng thương mại có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt nam
- Có trụ chính hầu hết ở Hà nội (đối với ngân hàng thương mại nhà nước)
- Có Điều lệ hoạt động , bộ máy quản lý và điều hành
- Có con dấu riêng, tài khoản mở tại Ngân hàng Nhà nước và tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

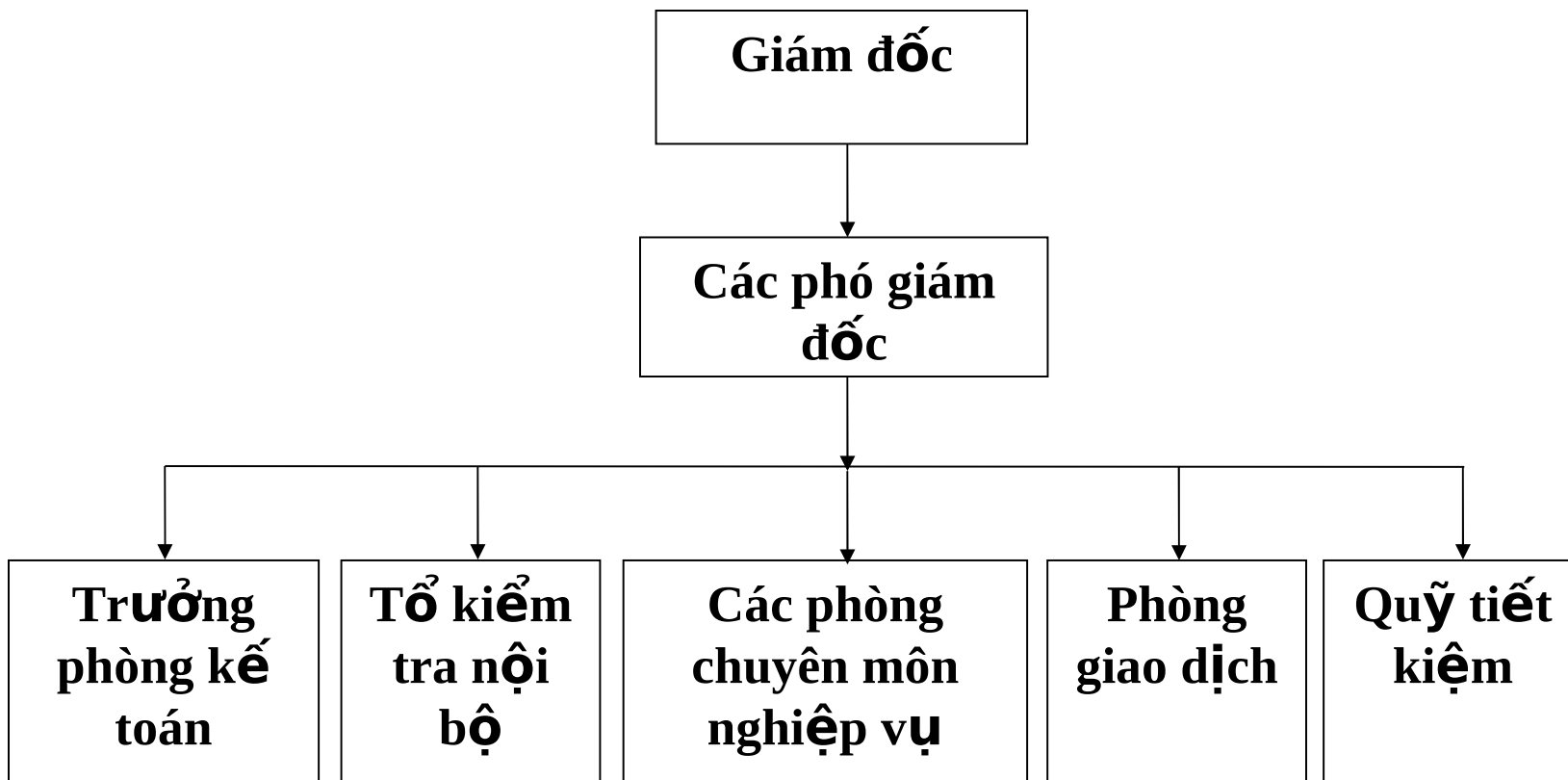


Sơ đồ 1.3: Cơ cấu tổ chức của các ngân hàng thương mại
(Ngân hàng công thương Việt Nam)



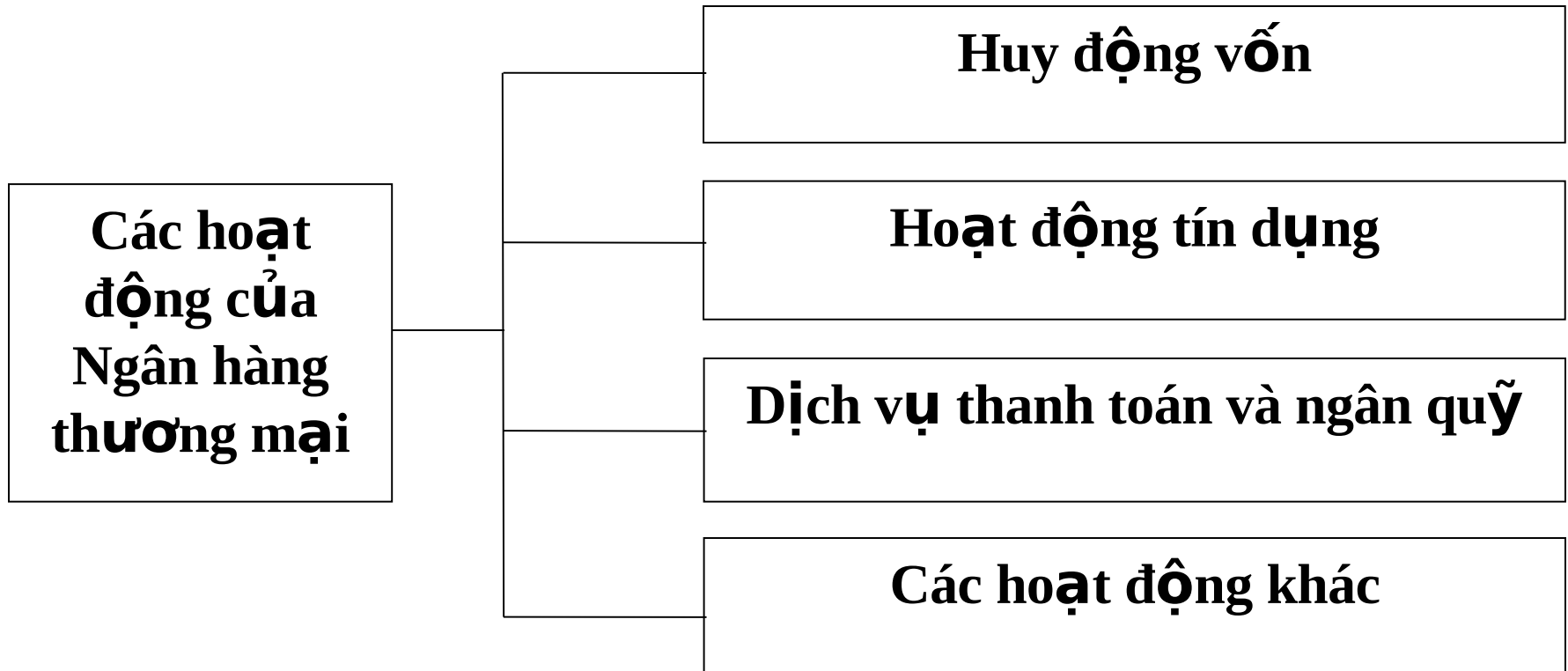
Sơ đồ 1.4: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Trụ sở chính

(Ngân hàng công thương Việt Nam)



Sơ đồ 1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Sở giao dịch, chi nhánh cấp 1

1.2.2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA NHTM



Sơ đồ 1.6. Hoạt động của ngân hàng thương mại

1.2.2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA NHTM

Huy động vốn

Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác

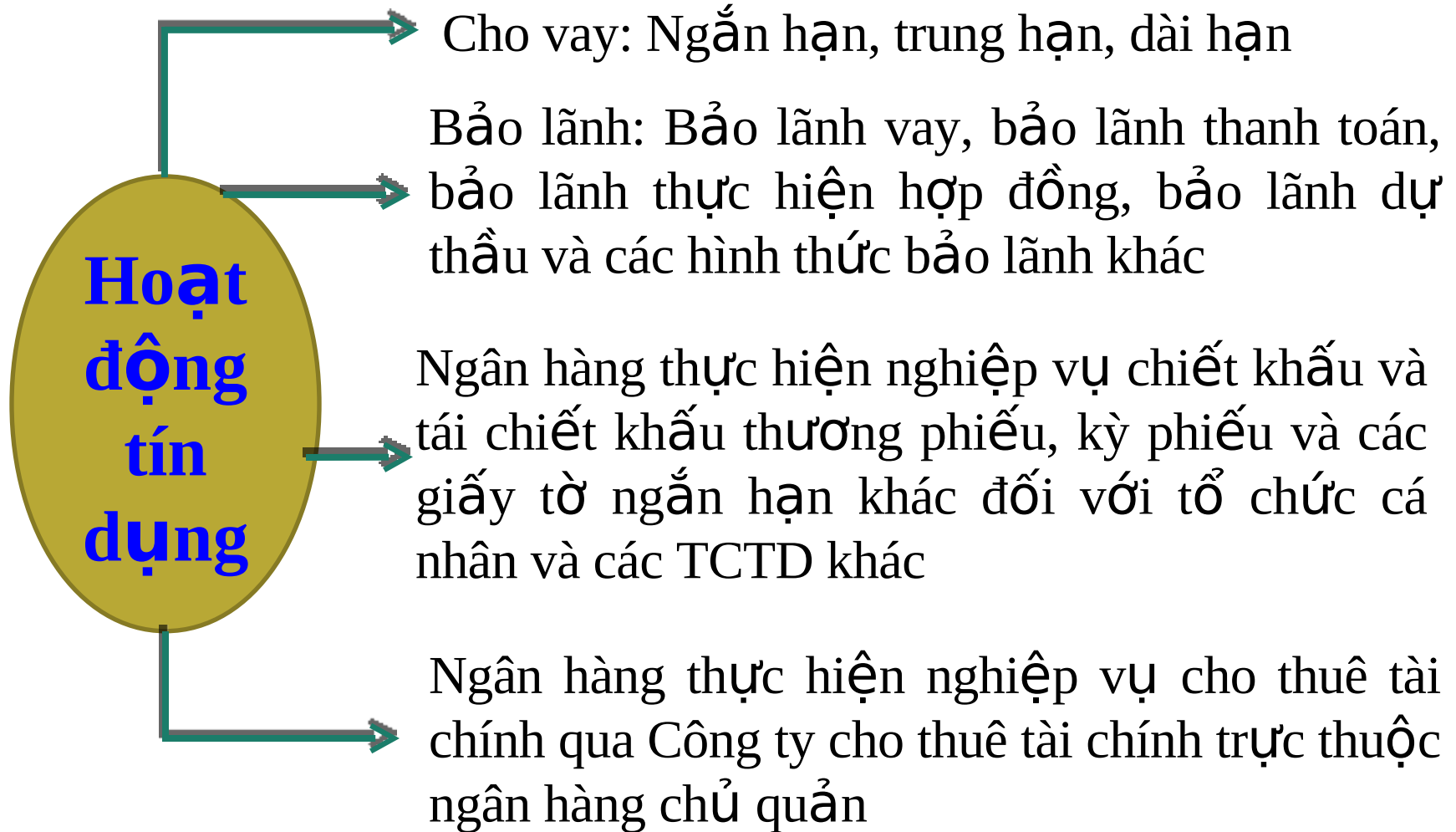
Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá

Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác

Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn

Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

1.2.2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA NHTM



1.2.2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA NHTM

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

→ Tài khoản tiền gửi

→ Các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1.2.2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA NHTM

Hoạt động khác

- Góp vốn, mua CP của DN và TCTD khác
- Mở TCTD liên doanh với nước ngoài tại VN
- Kinh doanh ngoại hối, vàng trên thị trường trong và ngoài nước
- Ủy thác và nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng
- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm
- Tư vấn tài chính, tiền tệ
- Kinh doanh chứng khoán...

1.3. MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

- 1.3.1. Khái niệm về kế toán ngân hàng
- 1.3.2. Đối tượng kế toán ngân hàng
- 1.3.3. Nhiệm vụ của kế toán ngân hàng
- 1.3.4. Đặc điểm của kế toán ngân hàng
- 1.3.5. Chứng từ kế toán ngân hàng
- 1.3.6. Hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng
- 1.3.7. Quy trình kế toán ngân hàng
- 1.3.8. Tổ chức bộ máy kế toán ngân hàng

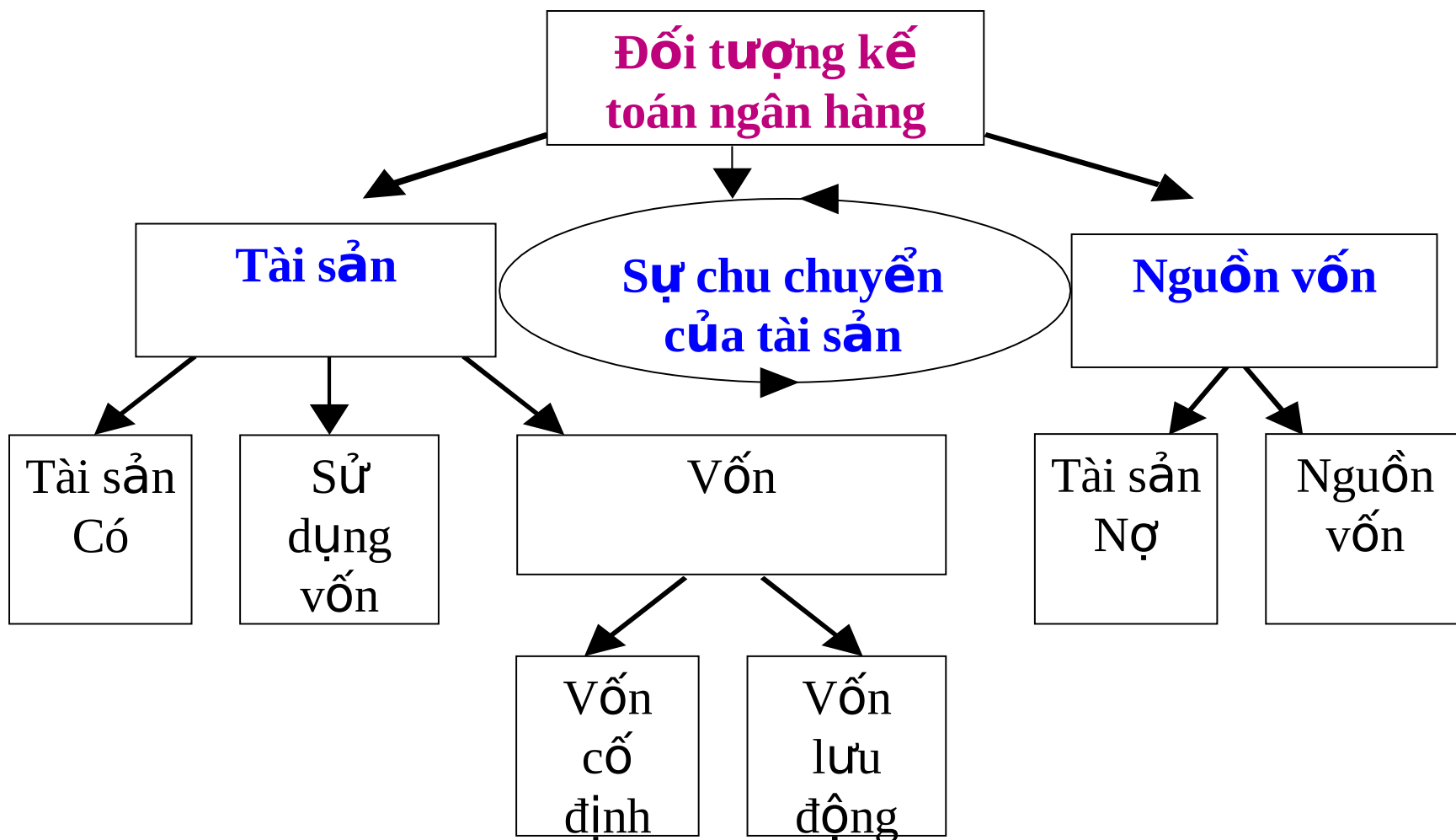
Kế toán ngân hàng là một môn khoa học và nghệ thuật ghi chép, tổng hợp, phân loại và giải thích các nghiệp vụ bằng con số có tác động đến tình hình TC của các NH, nhằm cung cấp các thông tin về tình hình TC và kết quả hoạt động của NH, làm cơ sở cho việc ra các quyết định liên quan đến mục tiêu quản lý KD và đánh giá hoạt động của NH.

Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng số 07/1997/QHX và các quy định khác của pháp luật để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán

Ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan. Các loại hình ngân hàng gồm: Ngân hàng thương mại, Ngân hàng phát triển, Ngân hàng đầu tư, Ngân hàng chính sách, Ngân hàng hợp tác và các loại hình ngân hàng khác

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện một số hoạt động ngân hàng như: Nội dung kinh doanh thường xuyên, nhưng không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán. TCTD phi ngân hàng gồm: Công ty tài chính, Công ty cho thuê tài chính và các TCTD phi ngân hàng khác

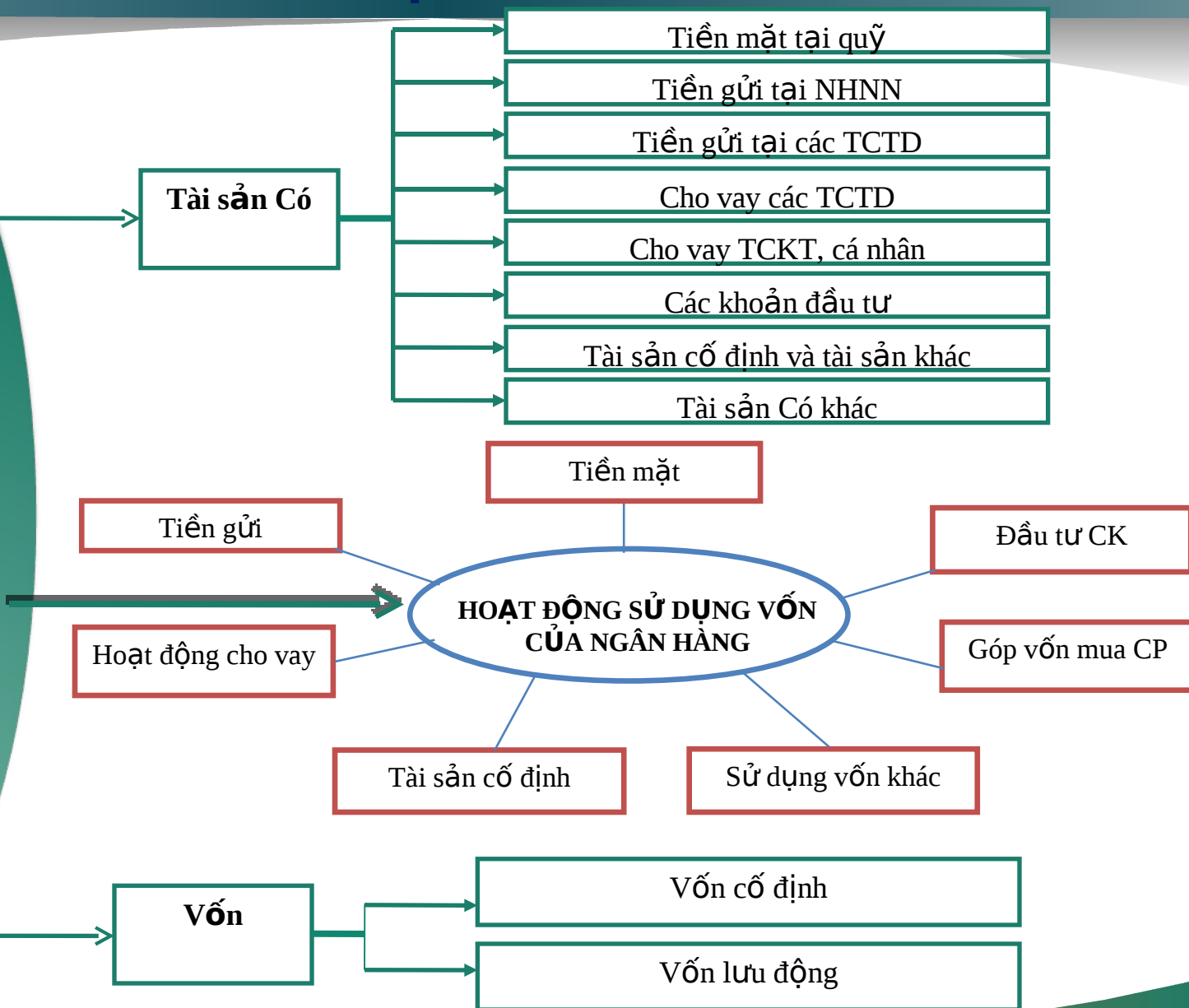
Sơ đồ 1.7. Đối tượng và phương pháp phân loại đối tượng kế toán ngân hàng



1.3.2. ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

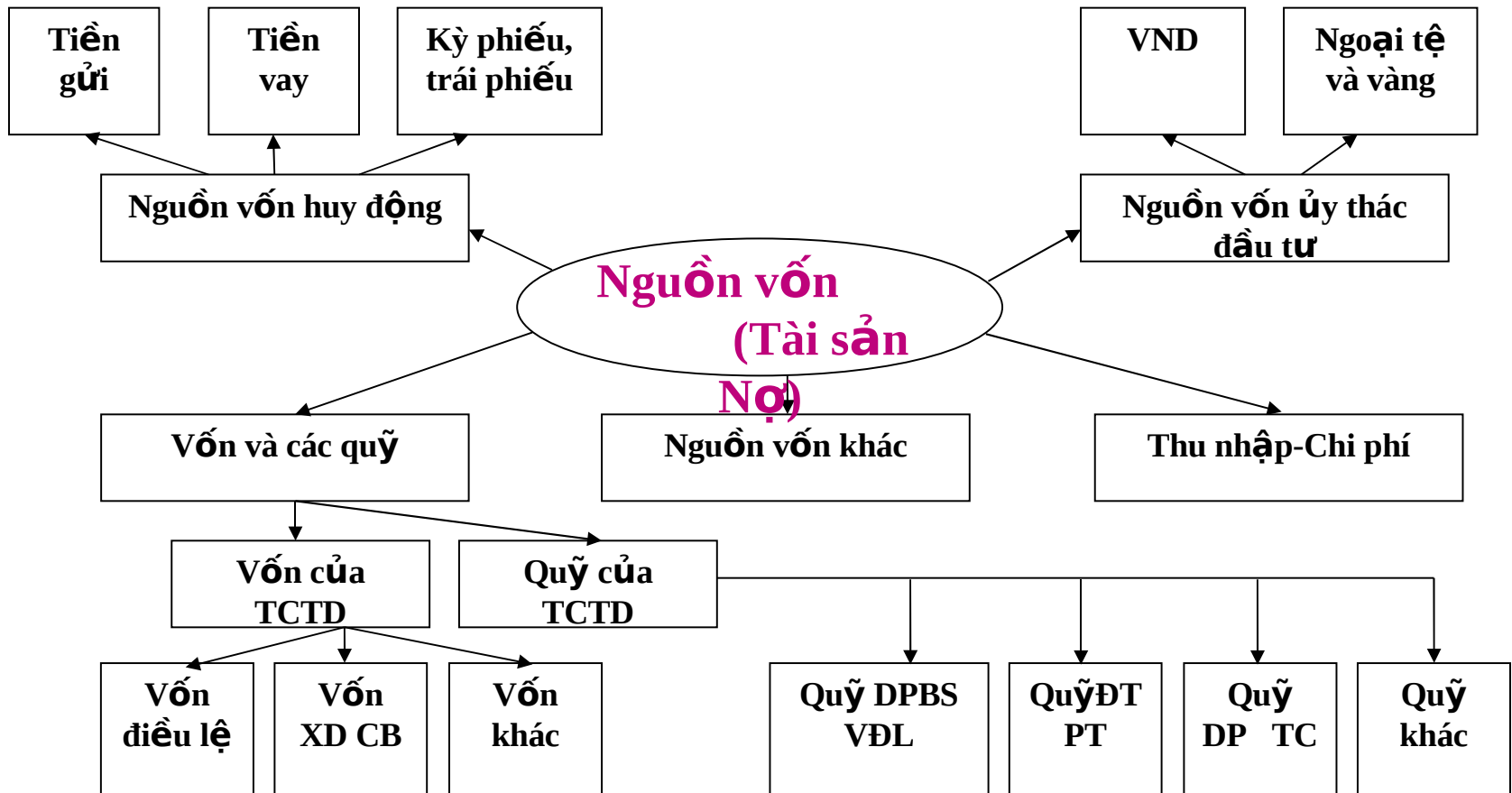
Tài sản

Là số tiền mà NH bỏ ra để có các tài sản tại ngân quỹ, cho vay, đầu tư, TSCĐ, công cụ lao động, vật liệu...những tài sản này trực tiếp mang lại thu nhập cho Ngân hàng hoặc đóng vai trò phục vụ cho hoạt động sinh lời của NH



**Nguồn
vốn**

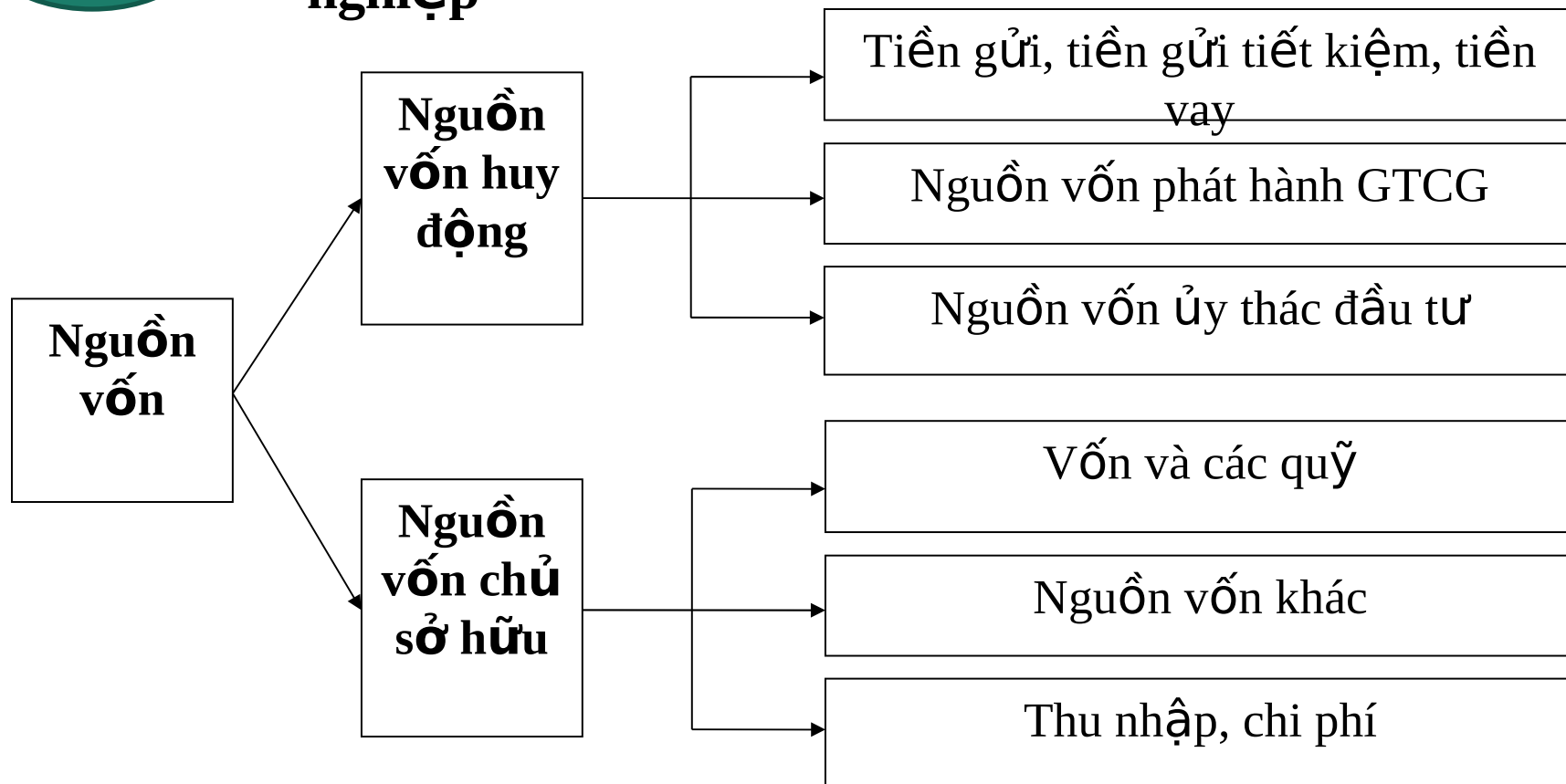
Phân loại nguồn vốn theo báo cáo tăng giảm nguồn vốn



Sơ đồ 1.10. Nguồn vốn trong ngân hàng (Tài sản Nợ)

Nguồn
vốn

Phân loại nguồn vốn theo báo cáo tài chính doanh nghiệp



Sơ đồ 1.11. Phân loại nguồn vốn theo báo cáo tài chính doanh nghiệp

● Sự chu chuyển của Tài sản - Nguồn

- **Vốn** của ngân hàng này sẽ chuyển sang vốn của ngân hàng khác và ngược lại.
- Sự biến động giữa các đối tượng xảy ra một rất thường xuyên liên tục. Tiền từ hoạt động huy động vốn chuyển sang sử dụng vốn hoặc ngược lại đang từ lĩnh vực này chuyển sang lĩnh vực khác...
- Sự biến động trong cùng một đối tượng kế toán tức là từ bản thân một loại tài sản, một loại nguồn vốn
- Việc theo dõi sự biến động không ngừng của đối tượng kế toán chính là sự chu chuyển toàn bộ hoạt động kinh doanh của ngân hàng

- Ghi chép, phản ánh, tính toán theo đúng pháp luật, chuẩn mực kế toán
- Phân loại, tổng hợp, phân tích & cung cấp thông tin cần thiết cho các đối tượng để quản lý, quản trị, kinh doanh ngân hàng
- Giám đốc quá trình sử dụng tài sản, tăng cường kỷ luật tài chính, củng cố chế độ hạch toán XHCN
- Tổ chức tốt công tác kế toán tại chi nhánh cũng như toàn hệ thống, giao dịch với khách hàng văn minh, góp phần thực hiện chiến lược khách hàng

- Kế toán ngân hàng mang tính tổng hợp cao
- Tiến hành đồng thời giao dịch và hạch toán
- Mang tính “cập nhật” và chính xác cao
- Chứng từ kế toán ngân hàng có khối lượng rất lớn, đa dạng và luân chuyển phức tạp
- Sử dụng thước đo tiền tệ làm đơn vị đo lường chủ yếu trong hầu hết các nghiệp vụ

- Khái niệm, ý nghĩa
- Đặc điểm
- Chứng từ giấy & chứng từ điện tử
- Mã hoá chứng từ
- Lập và nguyên tắc lập chứng từ kế toán ngân hàng
- Kiểm soát chứng từ
- Tổ chức luân chuyển chứng từ
- Quy trình luân chuyển chứng từ
- Lưu trữ chứng từ

- **Khái niệm:** Là những bằng chứng chứng minh tính hợp pháp hợp lệ các nghiệp vụ kinh tế đã & đang diễn ra tại các cơ quan NH, là căn cứ để hạch toán
- **Ý nghĩa:**
 - Là căn cứ pháp lý để ghi sổ, kiểm soát, kiểm toán, thanh tra.
 - Là công cụ hữu hiệu trong việc bảo vệ an toàn tài sản Ngân hàng
 - Tăng cường & củng cố chế độ hạch toán kinh tế
 - Cung cấp thông tin kinh tế tài chính phục vụ quản lý, quản trị kinh doanh ngân hàng.

Đặc điểm:

- Có khối lượng lớn, quy trình luân chuyển phức tạp
- Chủ yếu do khách hàng lập và nộp vào ngân hàng
- Sử dụng cả chứng từ giấy thông thường và chứng từ điện tử.
- Thường sử dụng chứng từ gốc kèm ghi sổ
- Lưu trữ chứng từ lâu dài và bảo quản khá phức tạp
- Một số chứng từ không tuân theo chuẩn, không nằm trong hệ thống chứng từ do bộ Tài chính ban hành.

Chứng từ điện tử

- Khái niệm: Là chứng từ với đầy đủ nội hàm của nó. Tuy nhiên, nó tồn tại dưới dạng thông tin điện tử trên các vật mang tin.
- Đặc điểm
 - Có khả năng lưu trữ khối lượng lớn, lâu dài
 - Thời gian truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác
 - Thời gian luân chuyển chứng từ an toàn thuận tiện nhanh chóng, chính xác
 - Hỗ trợ các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại
- Điều kiện
 - Cần có nền tảng công nghệ, viễn thông hiện đại
 - Có môi trường pháp lý ổn định,
 - Trình độ dân trí cao, trình độ quản lý của cán bộ ngân hàng cao
 - Đòi hỏi hệ thống bảo mật cao

Lập chứng từ

- Lập chứng từ là phản ánh, diễn đạt nội dung nghiệp vụ kinh tế vào một mẫu chứng từ một cách trung thực khách quan.
- Nguyên tắc lập
 - Phải lập ngay sau khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - Sử dụng đúng mẫu quy định
 - Điền đủ, chính xác thông tin vào các trường trên mẫu
 - Chứng từ bằng giấy phải viết lòng đủ các liên
 - Chứng từ điện tử phải tuân thủ đúng quy trình
 - Không được sửa chữa, tẩy, xóa, cắt, dán,...
 - Viết mực không phai và ký theo quy định

Kiểm soát chứng từ

- Khái niệm: Là công việc kiểm tra lại tính hợp pháp hợp lệ của chứng từ sau khi lập và trong quá trình sử dụng để hạch toán, trước khi lưu trữ.
- Vì sao phải kiểm soát?
- Các hình thức kiểm soát
 - Kiểm soát trước: Là kiểm soát chứng từ trước khi hạch toán vào sổ sách kế toán: Kiểm soát tính rõ ràng trung thực đầy đủ các yếu tố ghi trên chứng từ; Kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Kiểm soát khả năng chi trả
 - Kiểm soát sau: Kiểm soát lại một lần nữa sau khi hạch toán và trước khi lưu trữ chứng từ: Kiểm soát chữ ký của thanh toán viên; Kiểm soát tính đúng đắn của việc hạch toán; Kiểm soát việc chấp hành & tuân thủ quy chế nội bộ

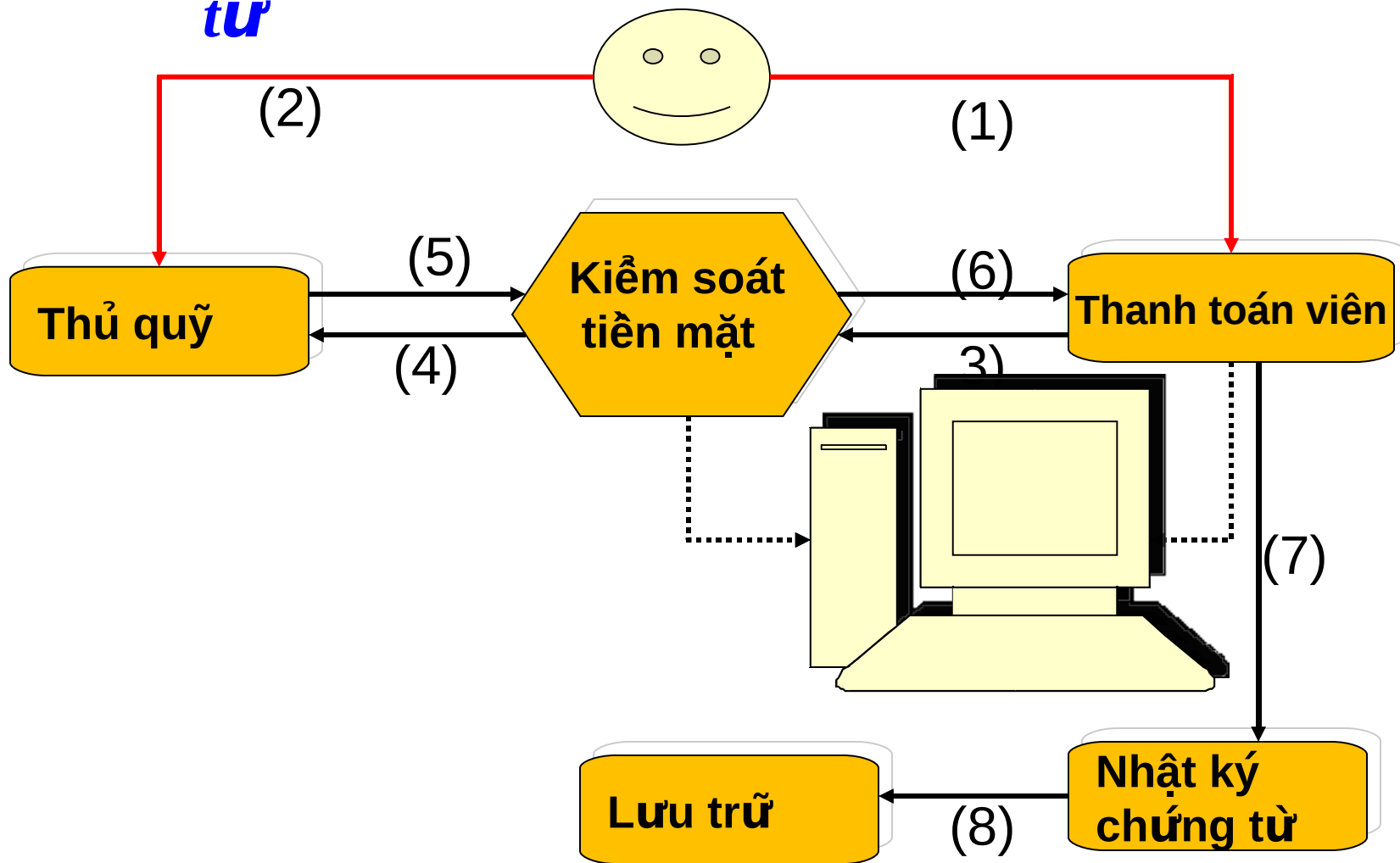
Tổ chức luân chuyển chứng từ

- Khái niệm: Là trật tự & các giai đoạn chứng từ phải trải qua kể từ khi phát sinh đến khi lưu trữ.
- Ý nghĩa:
 - Việc tổ chức hạch toán sẽ an toàn, nhanh chóng, chính xác. Tăng NS lao động, tăng nhanh vòng quay vốn
 - Cung cấp thông tin kịp thời cho QL, QT, KD ngân hàng
 - Góp phần tăng cường kỷ luật tài chính củng cố chế độ hạch toán, ngăn chặn, hạn chế tham ô lợi dụng...

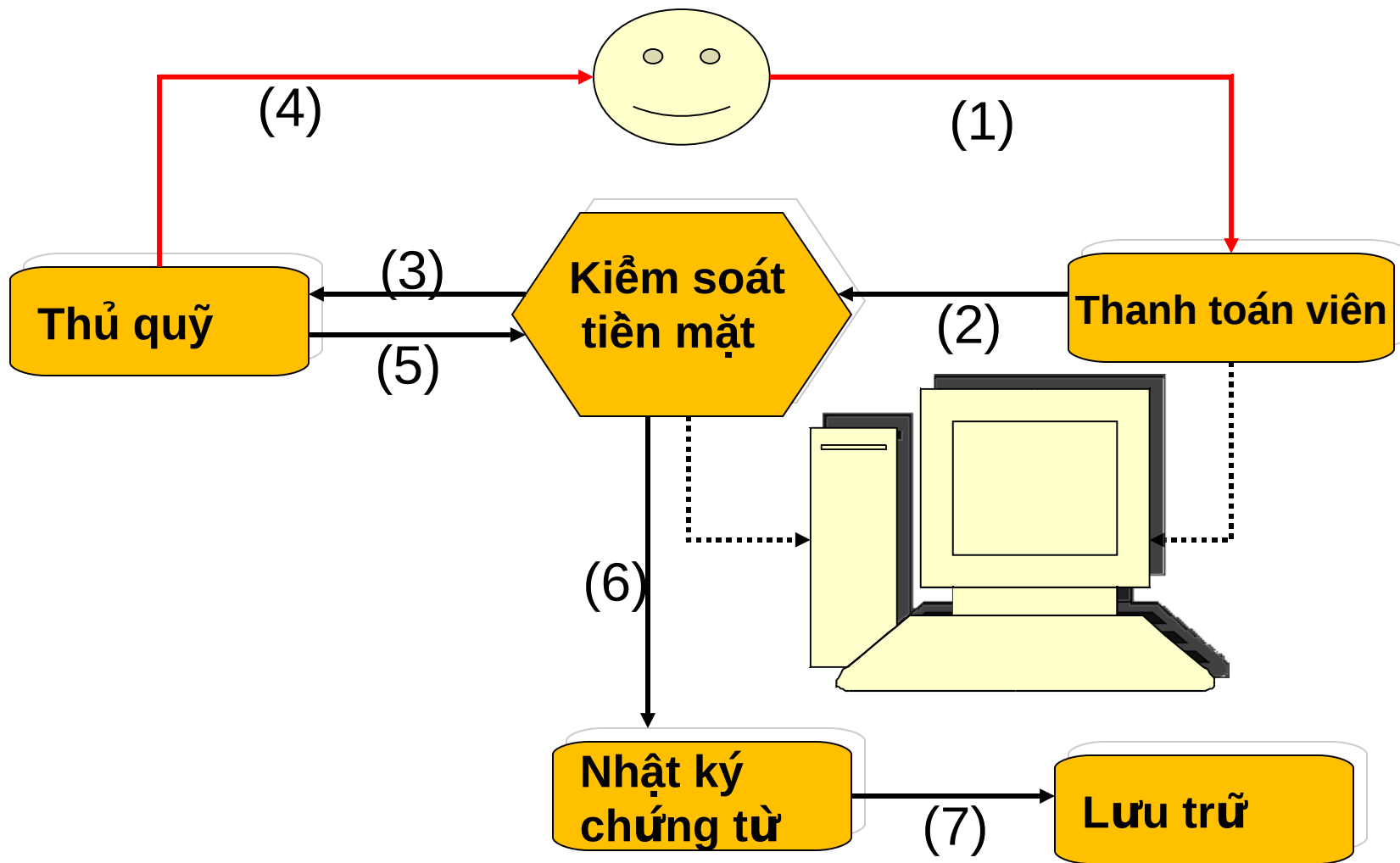
Nguyên tắc luân chuyển chứng từ:

- Luân chuyển nhanh chóng, an toàn & thuận tiện
- Thu tiền trước ghi sổ sau
- Ghi sổ trước chi tiền sau
- Ghi nợ trước, ghi có sau
- Luân chuyển trong nội bộ ngân hàng
- Luân chuyển giữa các ngân hàng phải qua mạng của ngân hàng hoặc qua cơ quan chuyên ngành, được tính và ghi ký hiệu mật.

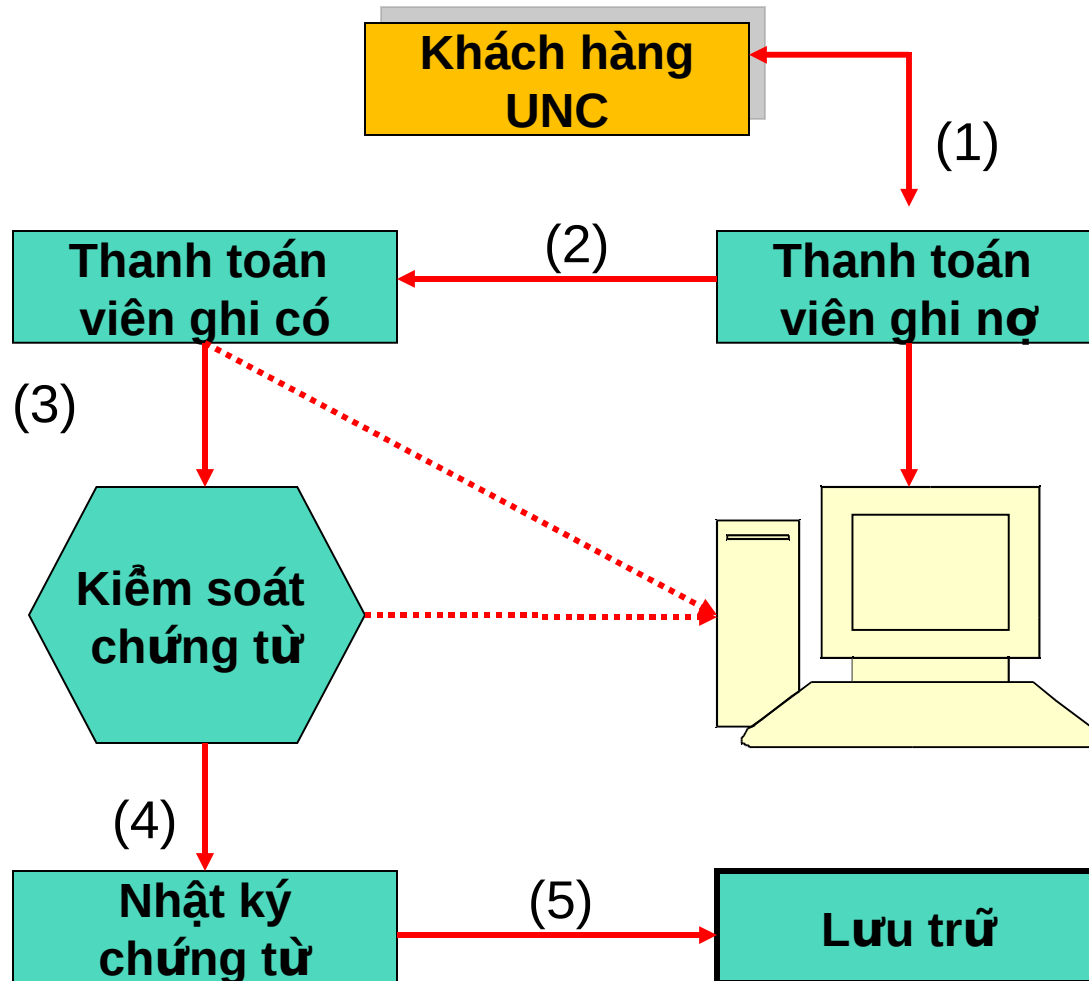
Một số quy trình luân chuyển chứng từ



Quy trình chi tiền mặt



Quy trình chuyển khoản



1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Tài khoản kế toán ngân hàng

- Khái niệm: Là một công cụ để ghi chép, phản ánh sự tăng giảm các khoản mục tài sản. Cung cấp thông tin cho quản lý, kiểm tra.
- Đặc điểm:
 - Tài sản phản ánh trên tài khoản chủ yếu là giá trị
 - Hiện nay không sử dụng tài khoản thống nhất của nền kinh tế
 - Đại bộ phận là tài khoản khách hàng mở, tài khoản nội bộ ít
 - Một số ngân hàng xây dựng hệ thống tài khoản khách hàng & hệ thống tài khoản sổ cái

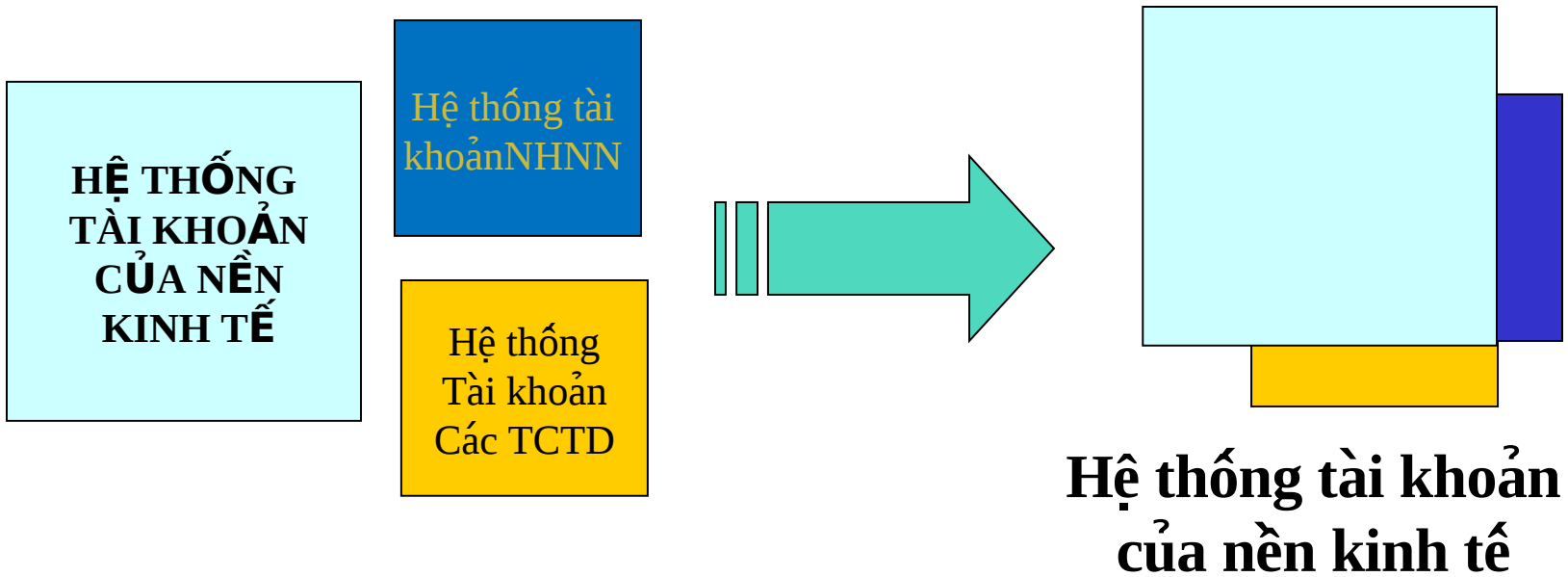
1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Phân loại tài khoản kế toán ngân hàng

- *Theo nội dung kinh tế*
 - Các TK thuộc tài sản có, tính chất Dư nợ
 - Các TK thuộc tài sản nợ, tính chất Dư có
 - Các TK lưỡng tính
 - Các TK hoặc dư nợ hoặc dư có
 - Các TK vừa dư nợ hoặc dư có
- *Theo mối quan hệ với bảng tổng kết tài sản*
 - Các tài khoản trong bảng
 - Các tài khoản ngoài bảng
- *Theo mức độ tổng hợp và chi tiết*
 - Tài khoản tổng hợp
 - Tài khoản chi tiết

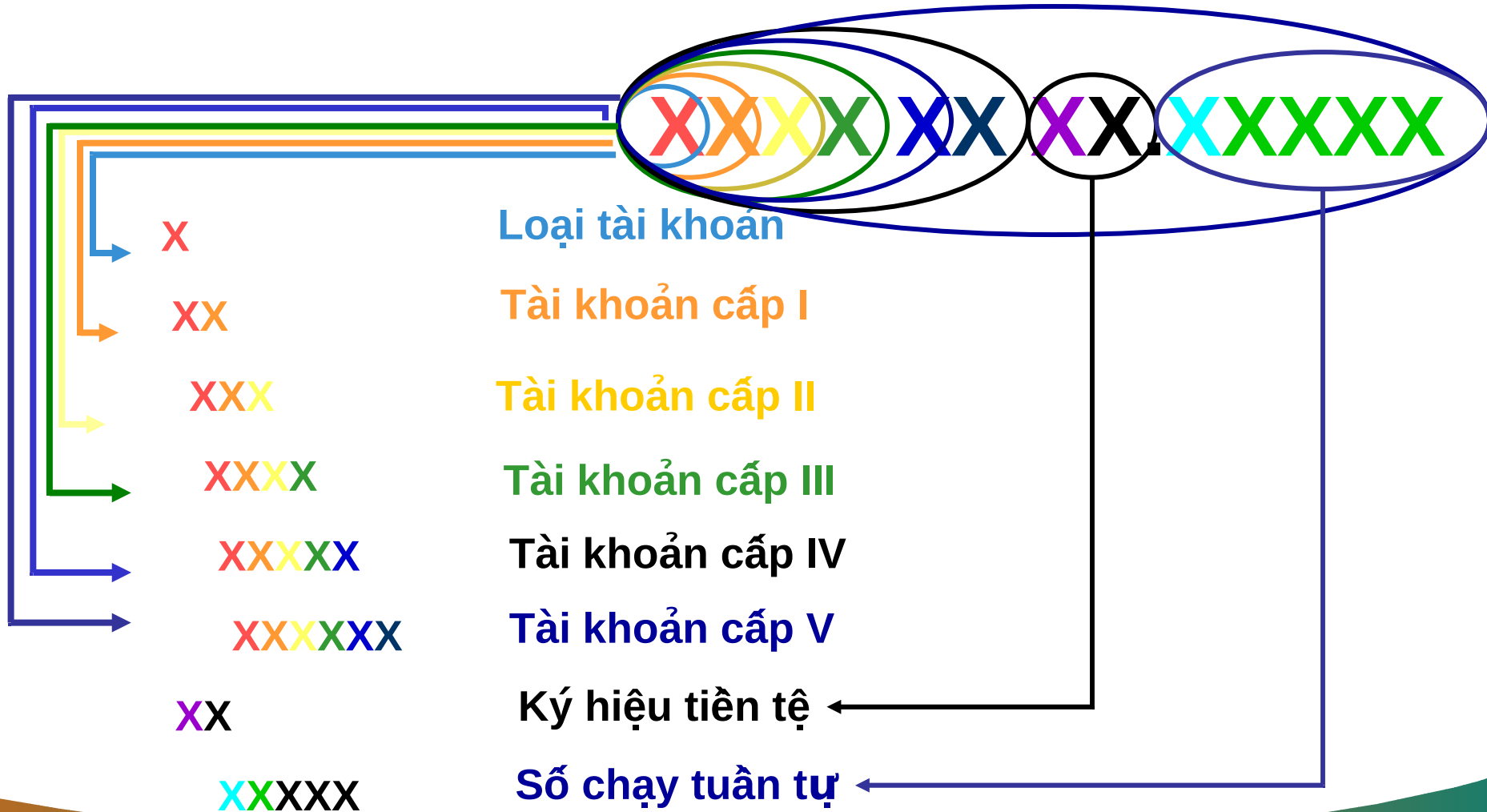
1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

*Mô hình xây dựng hệ thống tài khoản thống nhất
cho nền kinh tế*



1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Cấu trúc tài khoản kế toán ngân hàng



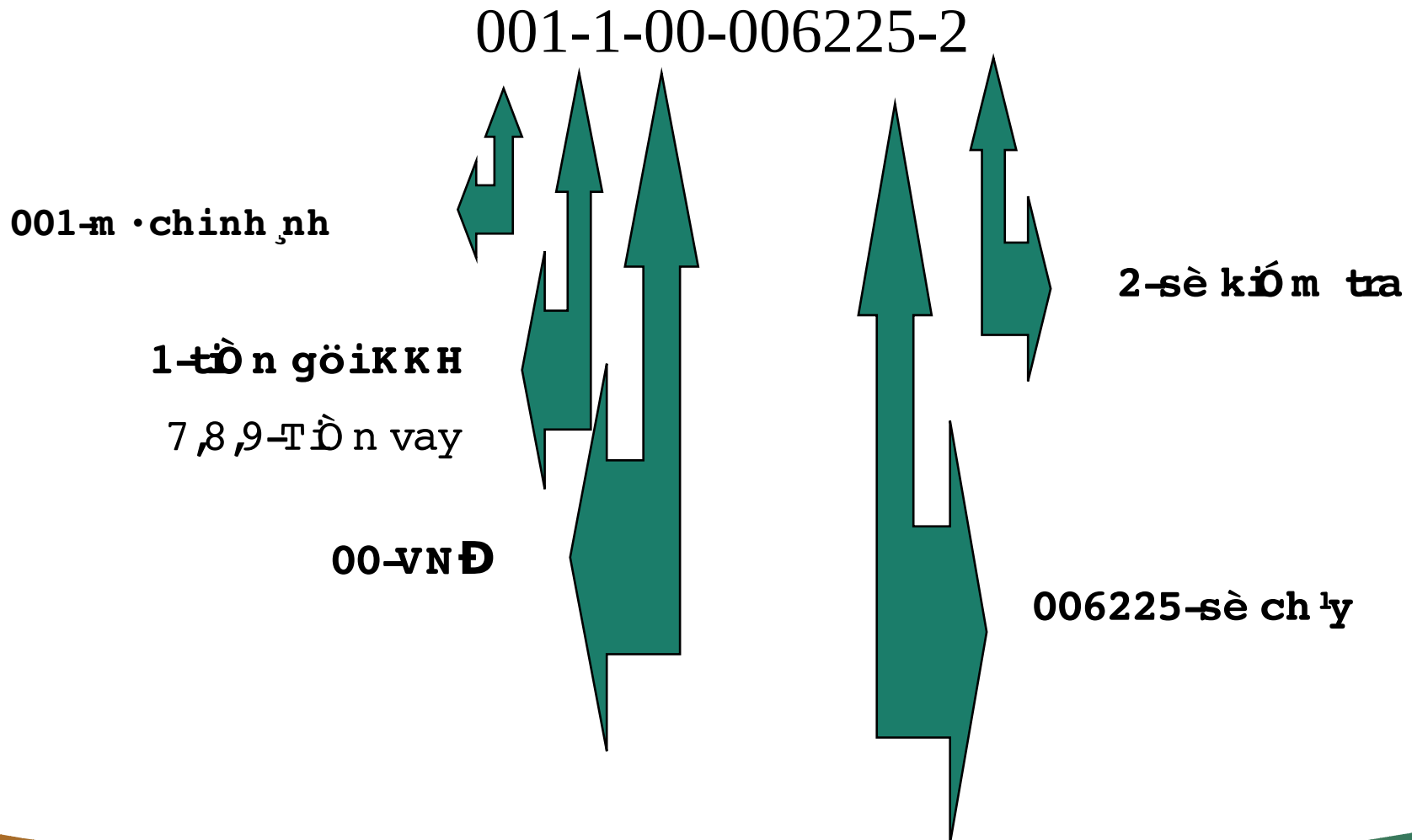
1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Tài khoản tổng hợp, tài khoản phân tích

- Tài khoản tổng hợp cấp I Bao gồm 2 chữ số đầu tiên
- Tài khoản tổng hợp cấp II Bao gồm 3 chữ số đầu tiên
- Tài khoản tổng hợp cấp III Bao gồm 4 chữ số đầu tiên
- NHNN quản lý các TCTD đến tài khoản cấp III
- Các tài khoản cấp IV, cấp V các TCTD tự xây dựng
- Tiếp theo là 2 chữ số ký hiệu loại tiền tệ
- Dấu chấm thập phân
- Từ 3-6 chữ số chạy tuần tự
- Tổng tất cả các chữ số trên là tài khoản phân tích hay còn gọi là tài khoản chi tiết
- Tài khoản ngoại bảng cũng tương tự nhưng chỉ QLý đến cấp III

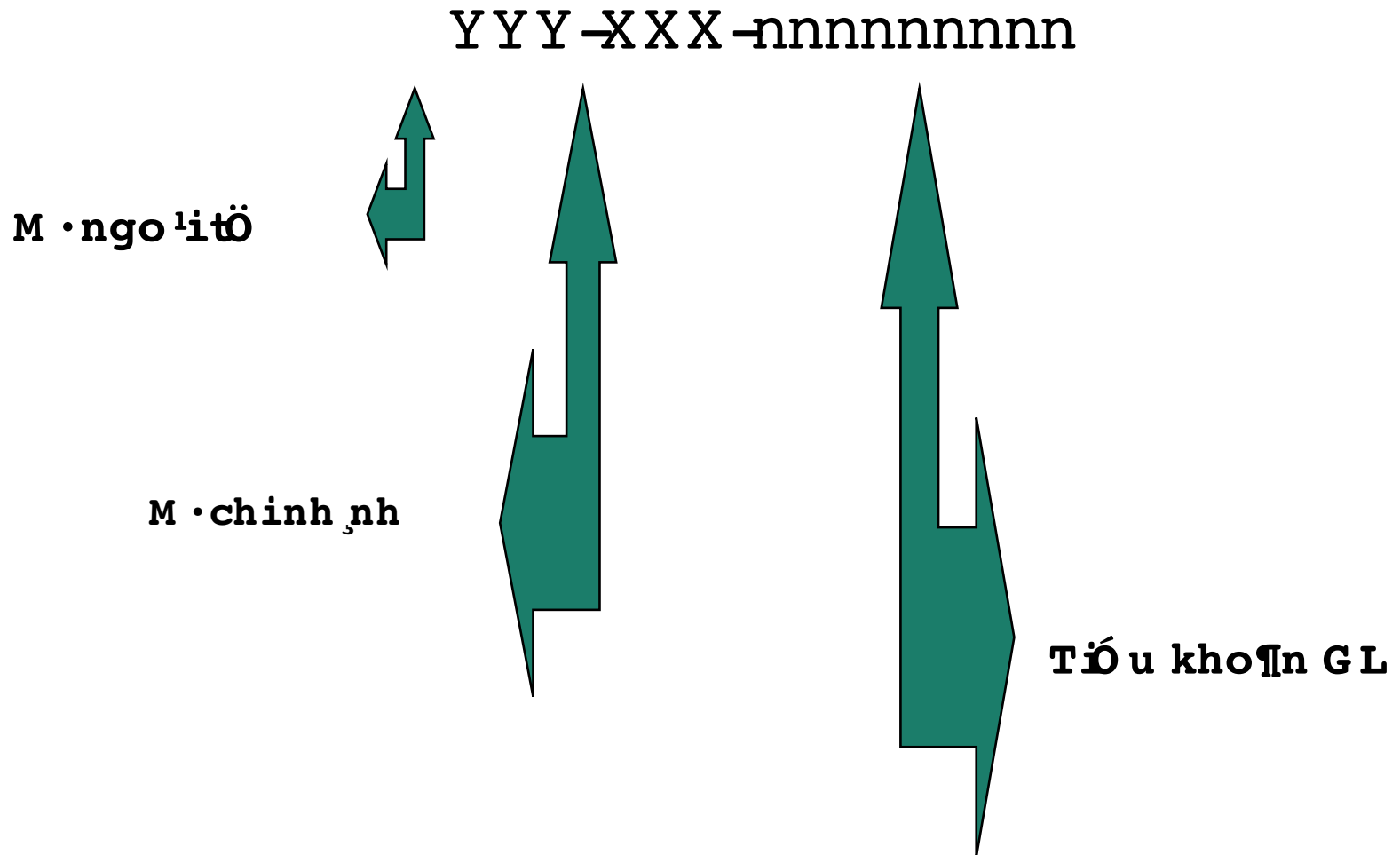
1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Cấu trúc tài khoản khách hàng của VCB



1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Cấu trúc tài khoản số cái GL của VCB



1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng

- Khái niệm: Là một tập hợp các tài khoản mà NH sử dụng để phản ánh mọi biến động về tài sản trong quá trình hoạt động, kinh doanh của ngân hàng. Trong đó mỗi tài khoản có tên và số hiệu duy nhất
 - Hệ thống ngân hàng không sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất của nền kinh tế
 - Mỗi hệ thống sử dụng một hệ thống tài khoản phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình.

1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Nguyên tắc xây dựng hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng

- Phải phù hợp với luật NHNN, luật TCTD
- Phải phù hợp với chức năng nghiệp vụ của ngân hàng
- Phải phù hợp với hệ thống chỉ tiêu của nền kinh tế
- Phải phù hợp với chuẩn mực khu vực & Quốc tế
- Phải ổn định tương đối trong thời gian dài
- Phải có khả năng tổng hợp và phân tích trên hệ thống công nghệ hiện đại, tiến tới tự động hoá công tác hạch toán kế toán.
- Phải XD hệ thống tài khoản “MỞ”, dễ phát triển trong tương lai

1.3.6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

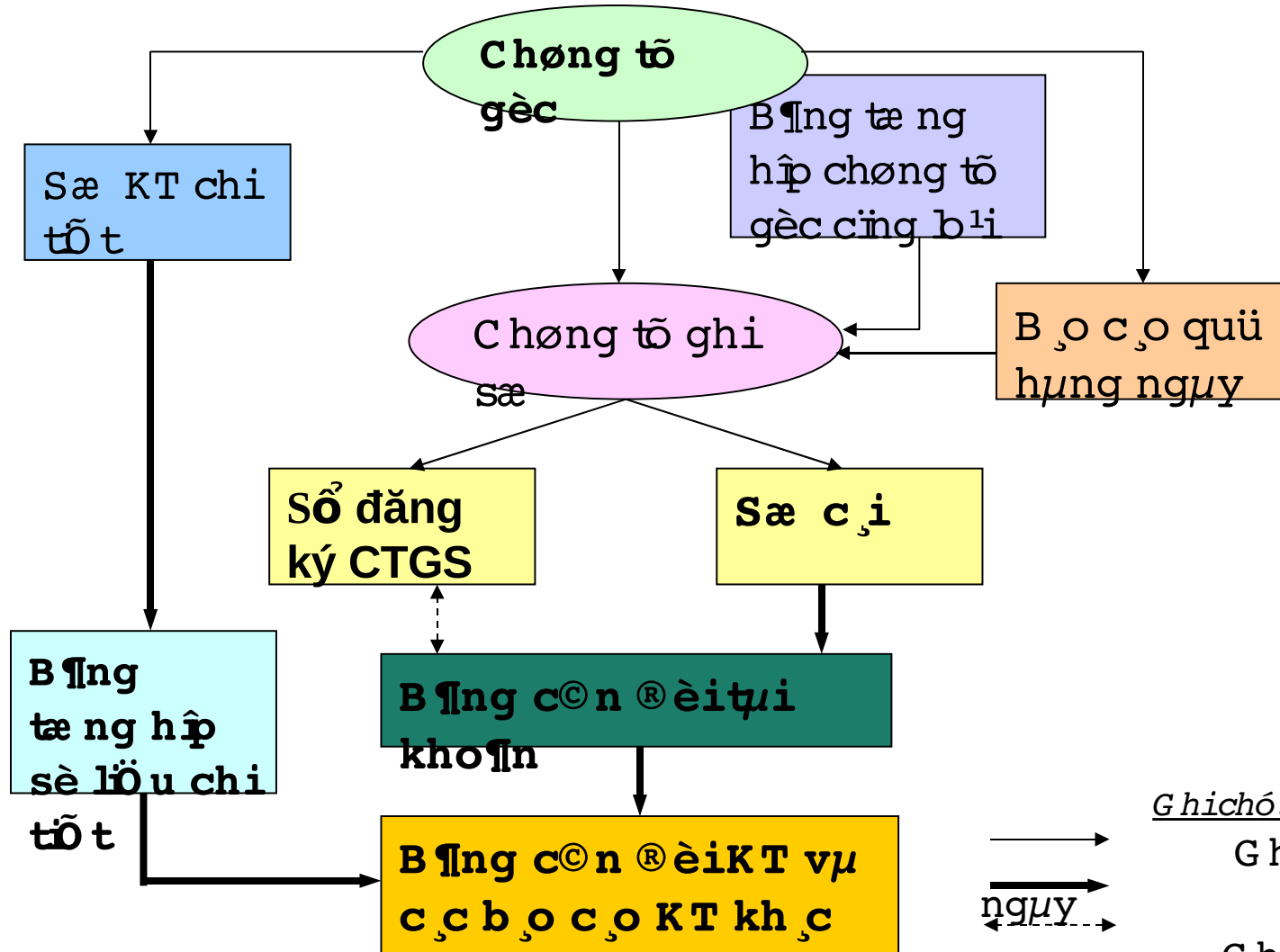
Loại tài khoản

- Là nhóm các tài khoản có cùng nội dung kinh tế và gần giống nhau về tính chất
- Có 8 loại (từ số 1 - 8) trong bảng và một loại ngoại bảng (số 9)
- Được mã hoá bằng 01 chữ số ả rập
- Mỗi loại có không quá 10 tài khoản cấp I

Hệ thống tài khoản NHNN		Hệ thống tài khoản các TCTD	
Ký hiệu	Tên loại	Ký hiệu	Tên loại
I. Phần nội bảng		I. Phần nội bảng	
1	Hoạt động ngân quỹ	1	Vốn khả dụng & các khoản đầu tư
2	Hoạt động tín dụng	2	Hoạt động tín dụng
3	TSCĐ & tài sản có khác	3	TSCĐ & tài sản có khác
4	Phát hành tiền & công nợ phải trả	4	Các khoản phải trả
5	Hoạt động Th/toán	5	Hoạt động Th/toán
6	Vốn & các quỹ NH	6	Nguồn vốn chủ SHỮu
7	Thu nhập	7	Thu nhập
8	Chi phí	8	Chi phí
II. Phần ngoại bảng		II. Phần ngoại bảng	
9	Các TK ngoại bảng	9	Các TK ngoại bảng

1.3.7. QUY TRÌNH KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

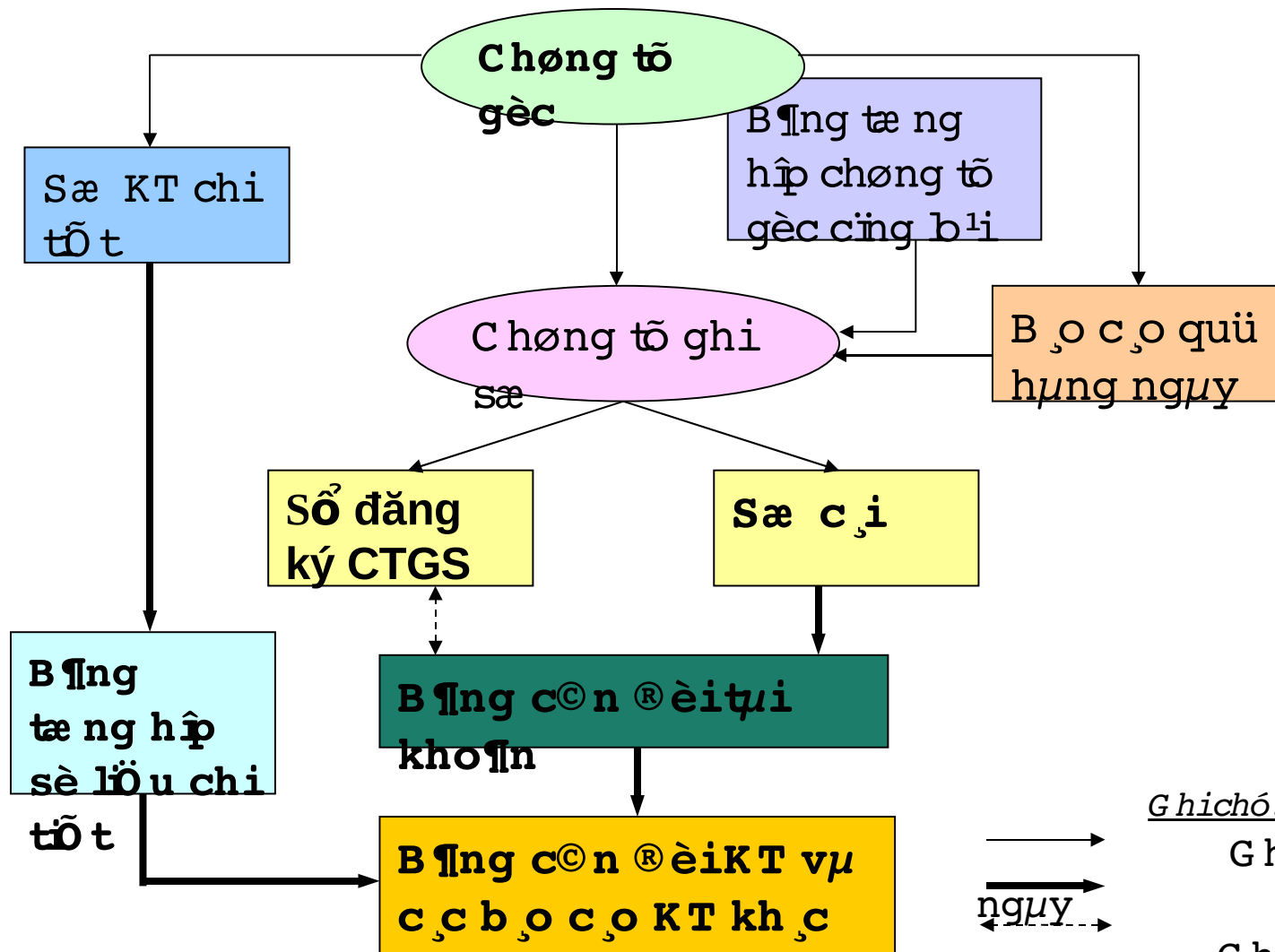
Hình thức kế toán “Chứng từ ghi số”



Ghichó:
 → G hihụng
 ⇌ ngũy
 ⇌ G hieuèi

1.3.7. QUY TRÌNH KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Hình thức kế toán “Chứng từ ghi số”



G hichó:
 → G hihụng
 ⇨ ngũy
 - - - G hieu èi

Kế toán chi tiết

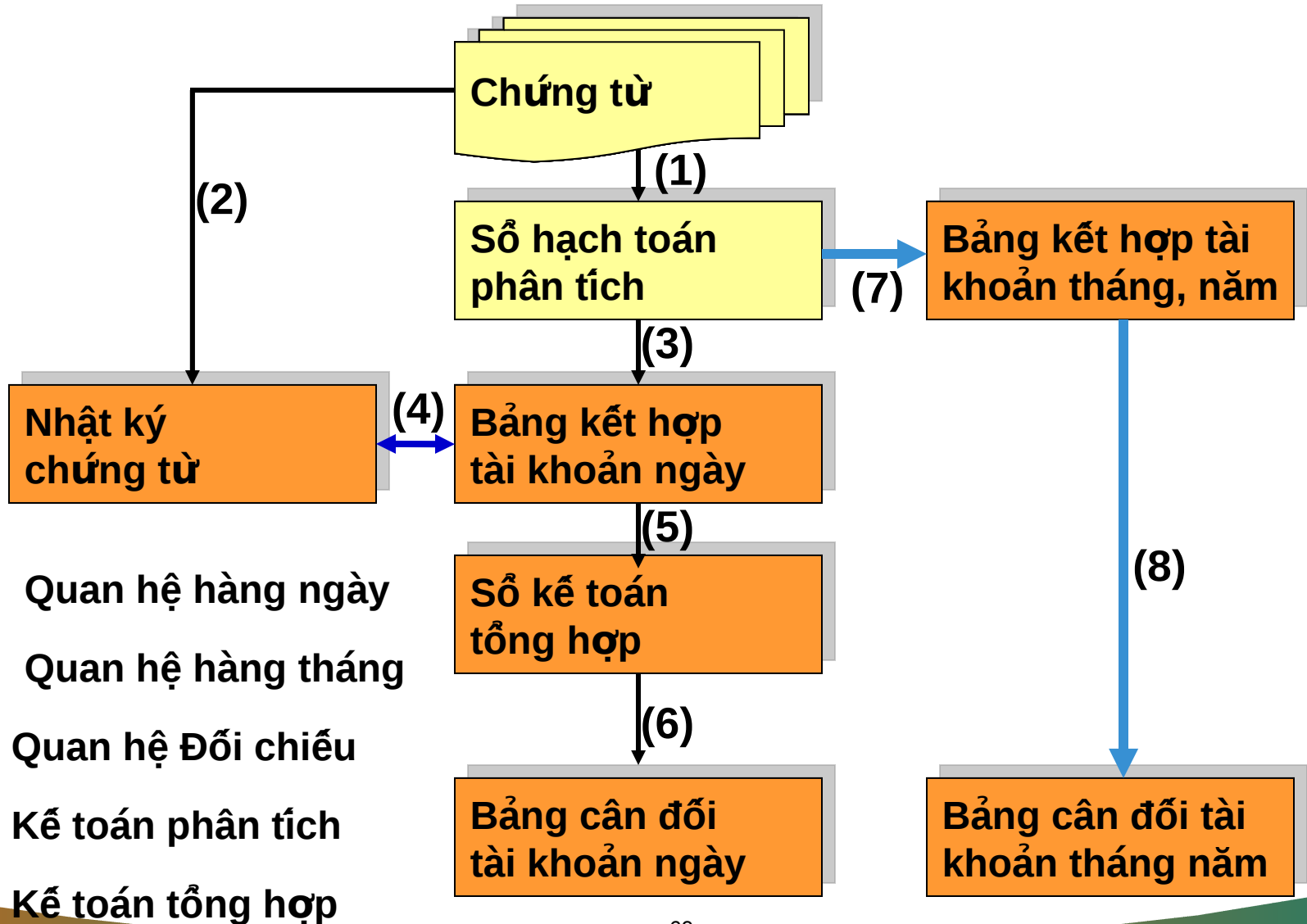
- **Khái niệm:** thu thập, kiểm tra, ghi chép, cung cấp thông tin chi tiết sự vận động của từng đối tượng kế toán cụ thể
- **Căn cứ:** chứng từ kế toán
- **Nhiệm vụ:**
 - Thu thập, kiểm tra, xử lý, ghi chép về nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên từng tiểu khoản
 - Cung cấp các thông tin chi tiết về từng đối tượng KT
- **Hình thức sổ sách:** Sổ kế toán chi tiết

Kế toán tổng hợp

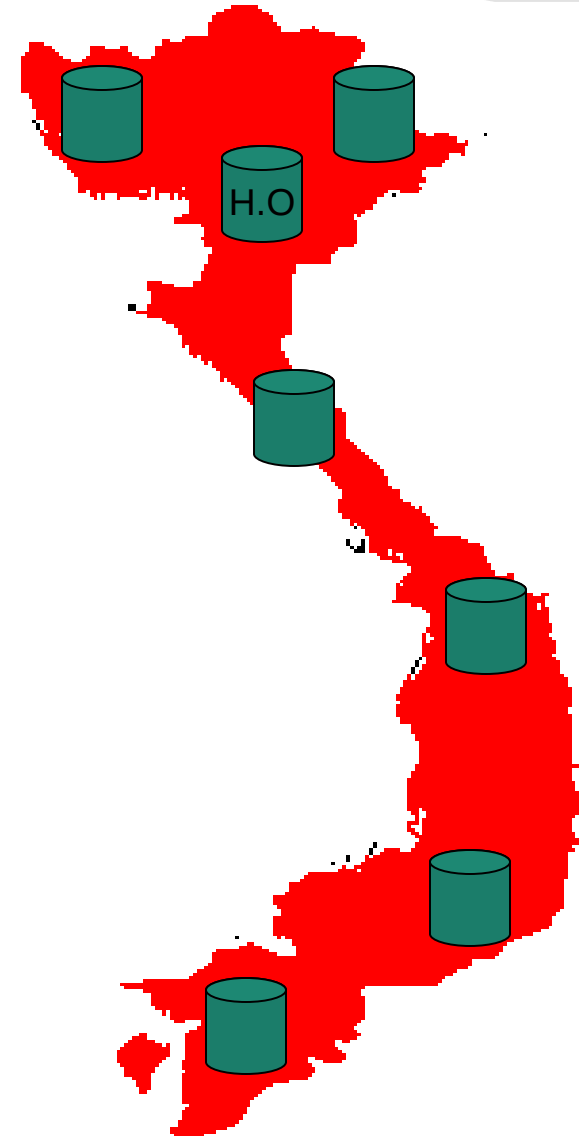
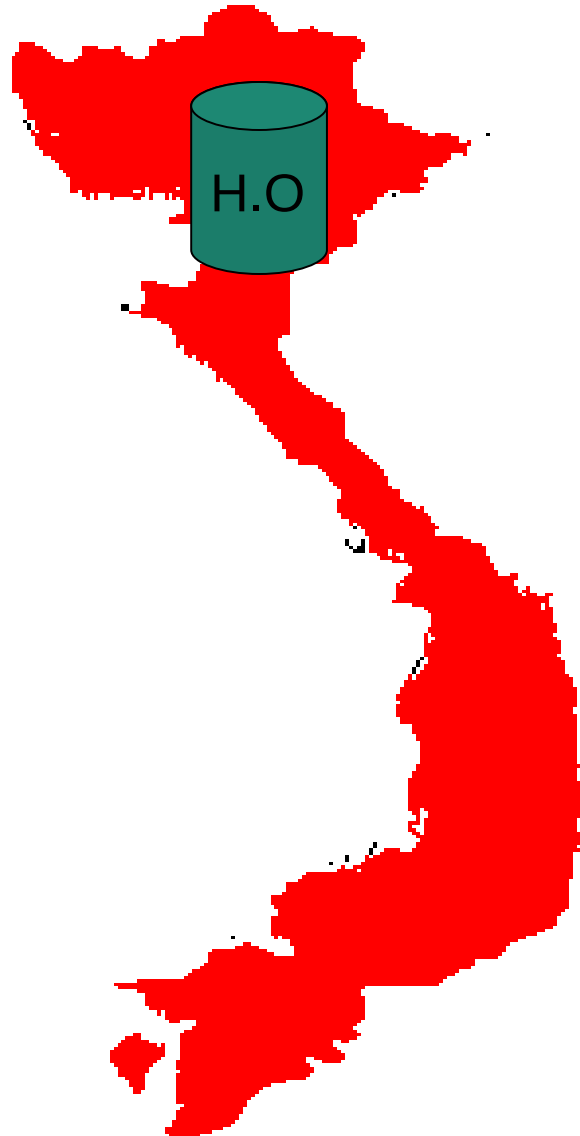
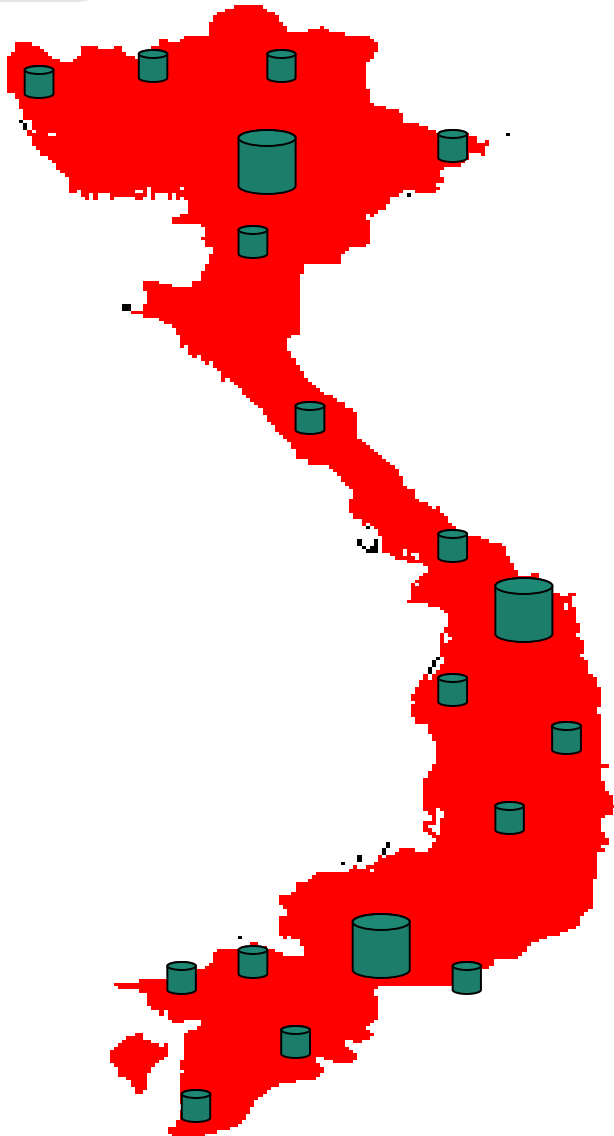
- **Khái niệm:** thu thập, kiểm tra, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về tài sản, nguồn vốn và sự vận động của đối tượng kế toán theo chỉ tiêu tài khoản tổng hợp
- **Căn cứ:** Sổ kế toán chi tiết
- **Nhiệm vụ:**
 - Kiểm tra sự chính xác khớp đúng của hạch toán phân tích
 - Cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động NH
- **Hình thức:** tập nhật ký chứng từ, bảng kết hợp TK, sổ cái, Bảng cân đối tài khoản

1.3.7. QUY TRÌNH KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

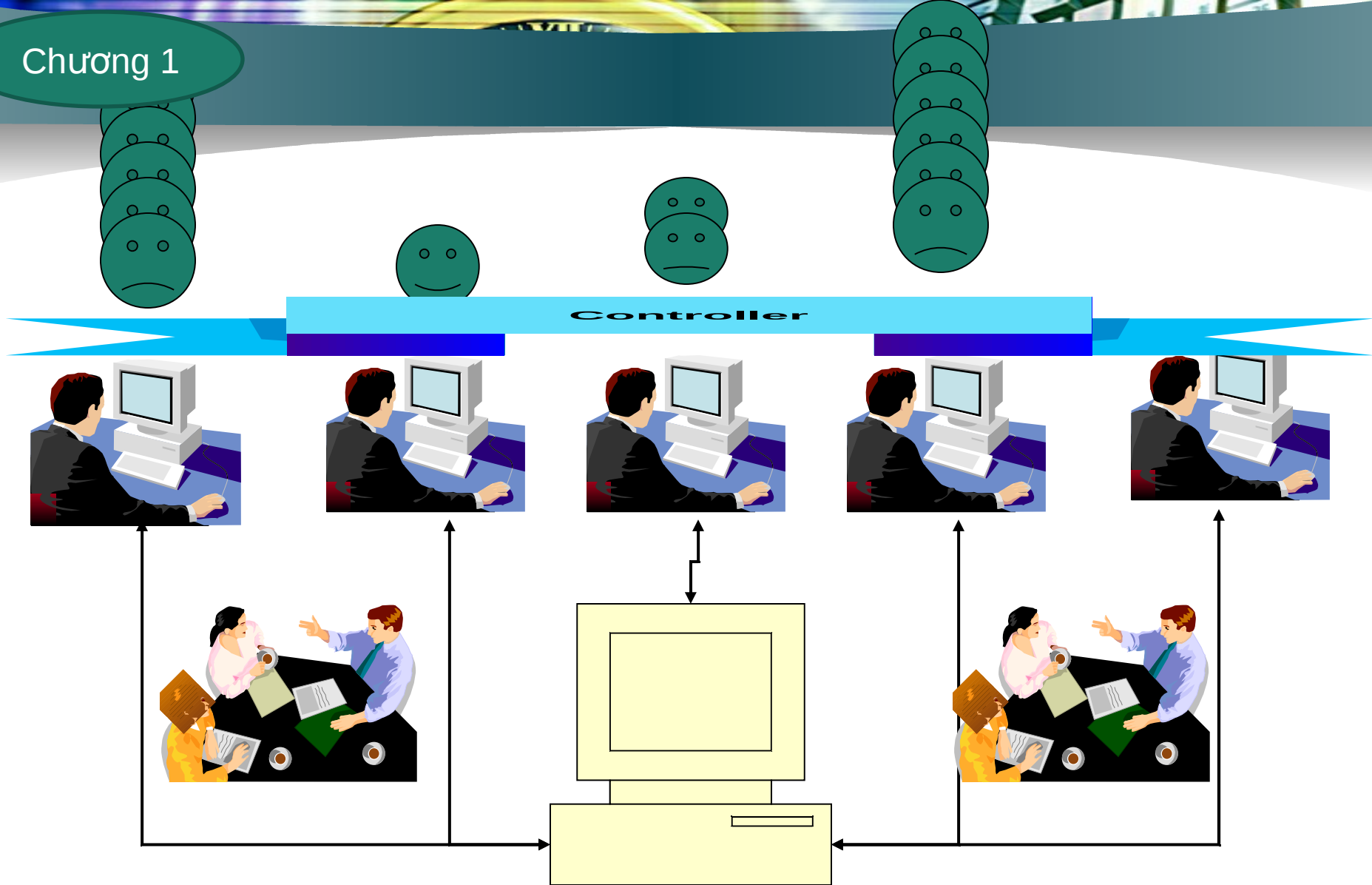
Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp



Mô hình kế toán phân tán, kế toán tập trung & kế toán phi tập trung



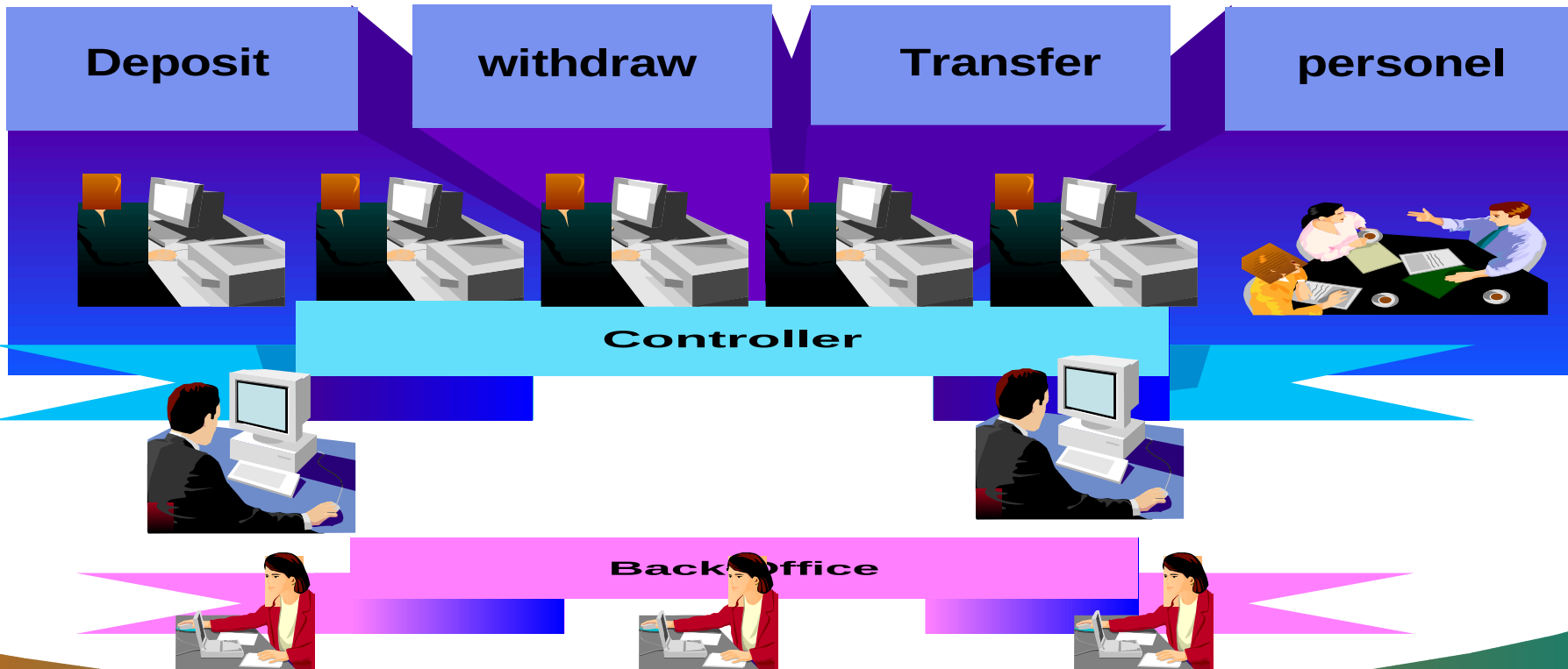
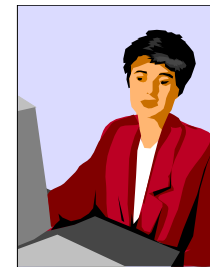
Chương 1



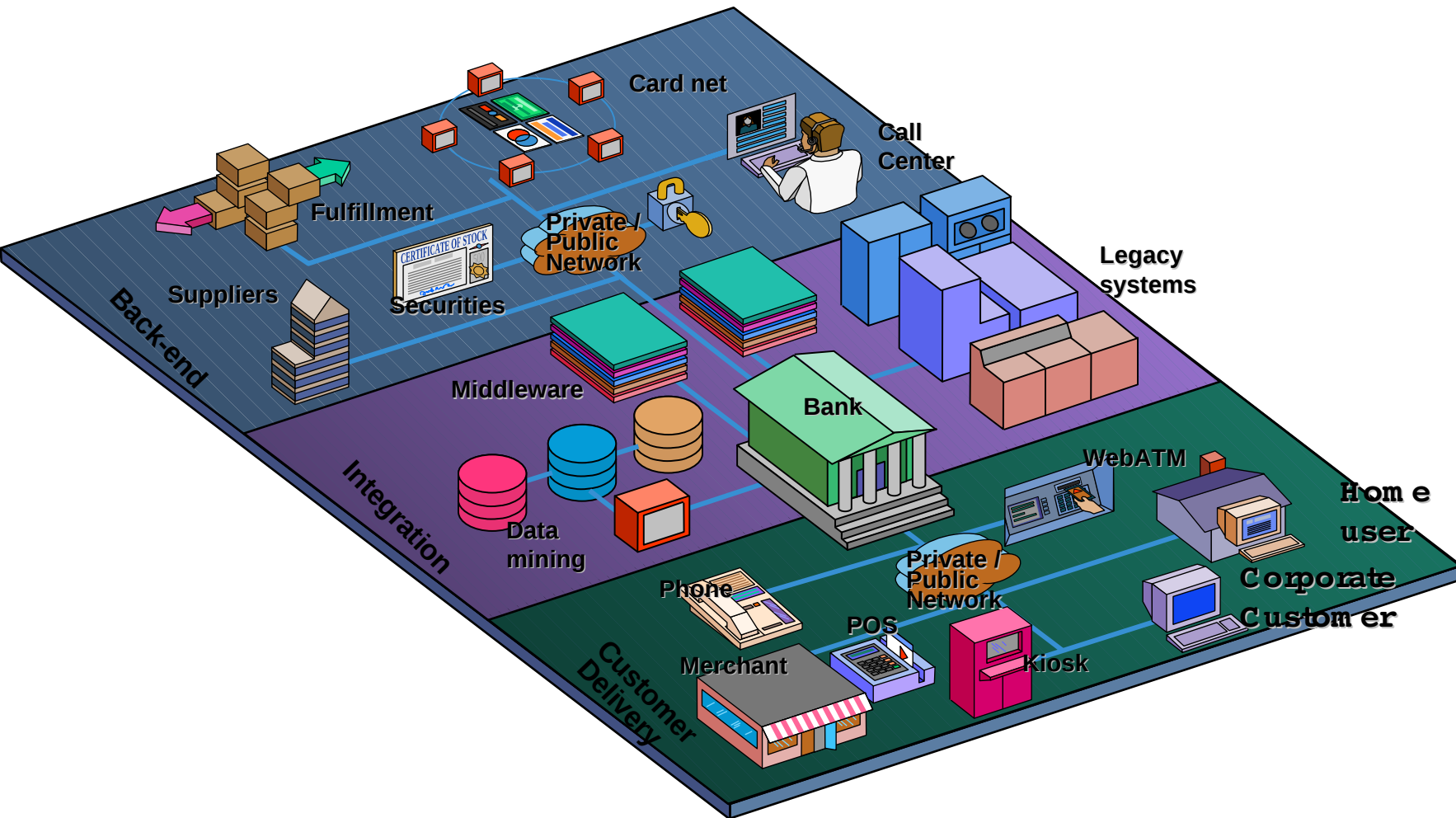
Self Services



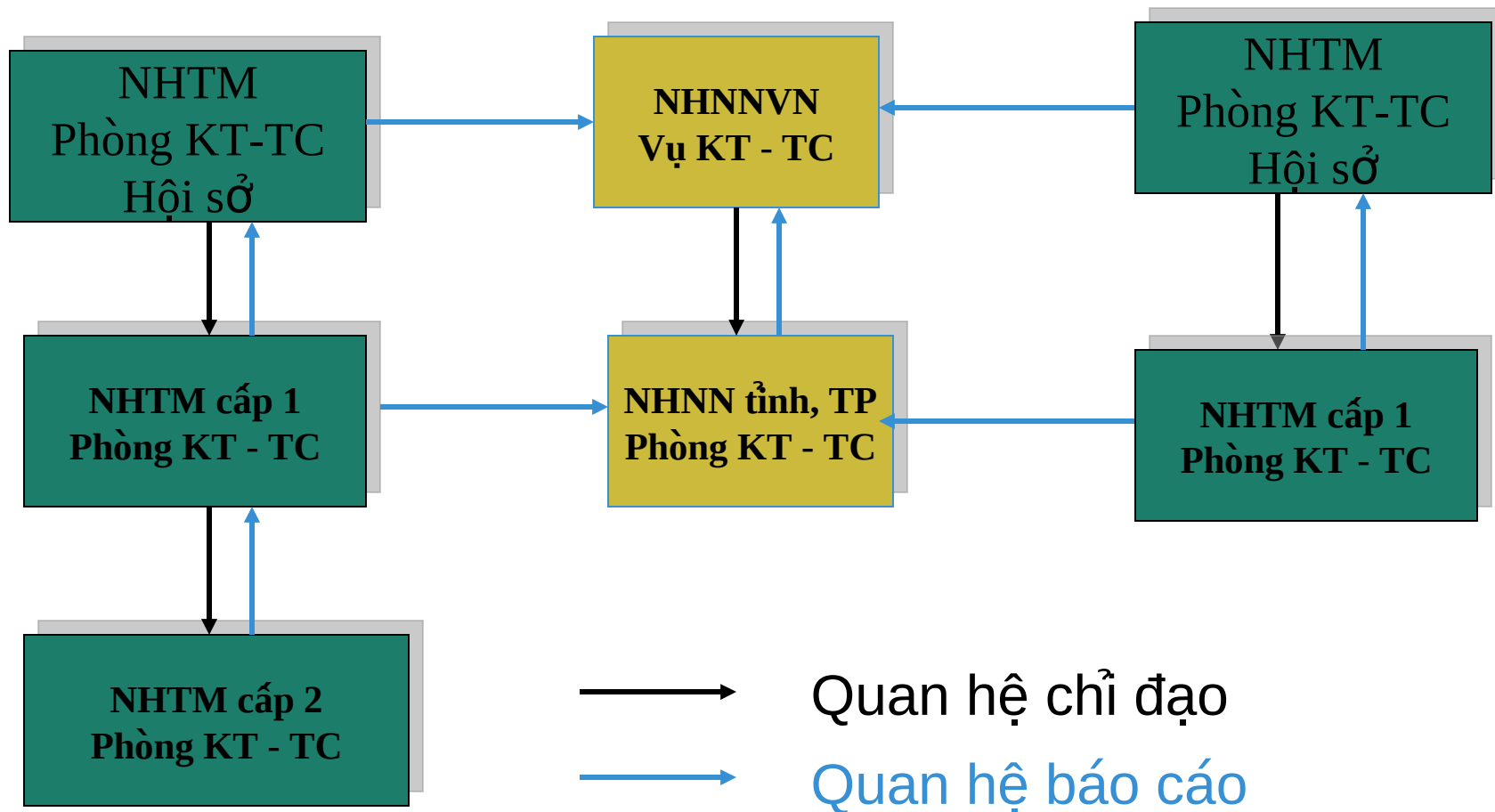
Customer Services



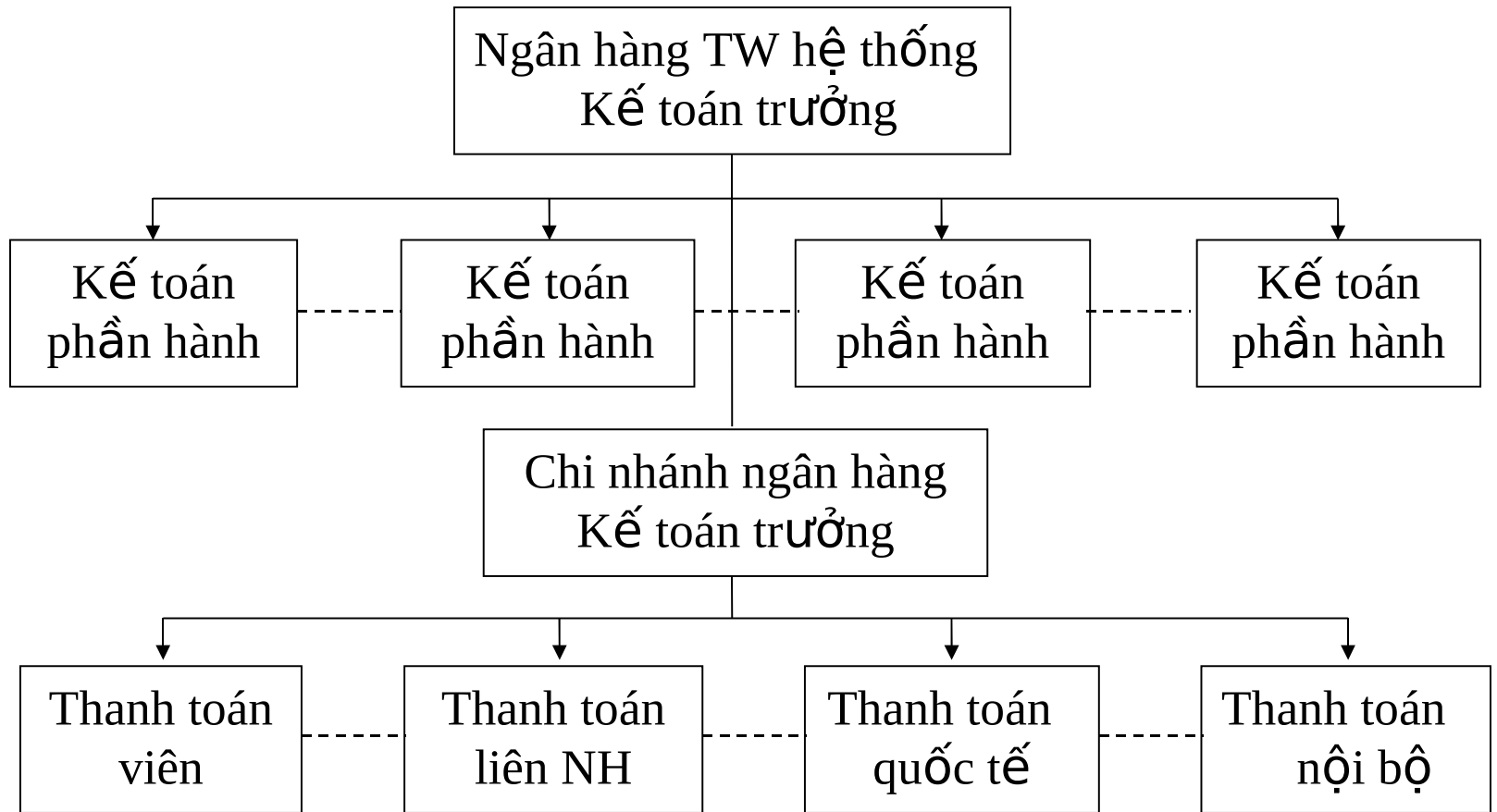
Cấu trúc Ngân hàng



Sơ đồ bộ máy kế toán của hệ thống Ngân hàng Việt Nam



Sơ đồ bộ máy kế toán của hệ thống Ngân hàng hệ thống



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ bộ máy kế toán của Ngân hàng hệ thống